

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH
DOANH**

NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG

**XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MỚI
HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

LUẬN VĂN THẠC SĨ THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

THÁI NGUYÊN - 2020

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH
DOANH**

NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG

**XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MỚI
HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

NGÀNH: QUẢN LÝ KINH

TẾ Mã số: 8.34.04.10

LUẬN VĂN THẠC SĨ THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Thành Vũ

THÁI NGUYÊN - 2020



LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn này là có nguồn gốc rõ ràng, trung thực và chưa được sử dụng để bảo vệ một học vị nào khác.

Tôi xin cam đoan mọi sự giúp đỡ cho việc thực hiện luận văn này đều đã được cảm ơn và các thông tin trích dẫn trong luận văn đã được chỉ rõ nguồn gốc.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2020

Tác giả

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình thực hiện đề tài “*Xây dựng và phát triển nông thôn mới Huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên*”, tôi đã nhận được sự hướng dẫn, giúp đỡ, động viên nhiệt tình của nhiều cá nhân và tập thể. Tôi xin được chân thành bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc nhất tới tất cả các cá nhân và tập thể đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo bộ phận sau đại học, Ban chủ nhiệm Khoa Quản lý luật kinh tế của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi về mọi mặt trong quá trình học tập và hoàn thành luận văn này.

Tôi xin chân Trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của giáo viên hướng dẫn TS. Nguyễn Thành Vũ

Tôi xin cảm ơn sự giúp đỡ, đóng góp nhiều ý kiến quý báu của các nhà khoa học, các thầy cô giáo trong trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên.

Trong quá trình thực hiện đề tài, tôi còn được sự giúp đỡ và cộng tác của các đồng chí tại UBND Huyện Phú Lương, phòng NN&PTNN huyện Phú Lương, các đồng chí tại địa điểm nghiên cứu, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các đồng chí đã hỗ trợ nhiệt tình, cung cấp mọi tư liệu liên quan tới đề tài.

Tôi xin bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc đối với mọi sự giúp đỡ quý báu đó.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2020

Tác giả



MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT	vii
DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU	viii
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4. Kết cấu của luận văn	3
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MỚI CẤP HUYỆN	4
1.1. Cơ sở lý luận về xây dựng và phát triển nông thôn mới cấp huyện	4
1.1.1. Các khái niệm cơ bản	4
1.1.2. Nội dung xây dựng và phát triển nông thôn mới	15
1.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc xây dựng và phát triển nông thôn mới cấp Huyện...	20
1.2. Cơ sở thực tiễn về việc xây dựng và phát triển nông thôn mới ở các Huyện và bài học kinh nghiệm rút ra cho việc xây dựng và phát triển nông thôn mới tại Huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	23
1.2.1. Kinh nghiệm xây dựng và phát triển nông thôn mới tại Huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	23
1.2.2. Kết quả xây dựng và phát triển nông thôn mới tại Huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên	25
1.2.3. Bài học kinh nghiệm rút ra cho việc xây dựng và phát triển nông thôn	

mới tại Huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	28
Chương 2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	31
2.1. Câu hỏi nghiên cứu	31
2.2. Phương pháp nghiên cứu	31
2.2.1. Số liệu thứ cấp	31
2.2.2. Phương pháp tổng hợp thông tin	31
2.2.3. Phương pháp phân tích thông tin	33
2.3. Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu	33
2.3.1. Chỉ tiêu về quy hoạch xây dựng nông thôn mới	33
2.3.2. Chỉ tiêu phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn	34
2.3.3. Chỉ tiêu về đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân	34
2.3.4. Chỉ tiêu về Văn hóa - Xã hội - Môi trường nông thôn	35
2.3.5. Chỉ tiêu về hệ thống tổ chức chính trị an ninh xã hội	36
Chương 3 NỘI DUNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MỚI Ở HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN	38
3.1. Điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội chung toàn huyện	38
3.1.1. Các đặc điểm về điều kiện tự nhiên	38
3.1.2. Các đặc điểm về điều kiện kinh tế- xã hội	39
3.1.3. Đánh giá chung về thuận lợi, khó khăn của huyện ảnh hưởng tới xây dựng nông thôn mới	41
3.1.4 Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của các xã điểm trong xây dựng nông thôn mới	42
3.2. Nội dung xây dựng và phát triển nông thôn mới tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	50
3.2.1. Nội dung xây dựng và phát triển nông thôn mới theo tiêu chí quy hoạch	

và phát triển quy hoạch	50
3.2.2. Nội dung xây dựng và phát triển nông thôn mới theo tiêu chí hạ tầng - kinh tế xã hội	54
3.2.3. Nội dung xây dựng nông thôn mới theo tiêu chí chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập	61
3.2.4. Nội dung xây dựng nông thôn mới theo tiêu chí Phát triển giáo dục và đào tạo	64
3.2.5. Nội dung xây dựng nông thôn mới theo tiêu chí giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn	69
3.3. Đánh giá chung về xây dựng và phát triển nông thôn mới trên tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	71
3.3.1. Thuận lợi	71
3.3.2. Khó khăn	71
Chương 4 GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MỚI HUYỆN PHÚ LƯƠNG ĐẾN NĂM 2030	74
4.1. Quan điểm và định hướng xây dựng và phát triển nông thôn mới của huyện đến năm 2025	74
4.1.1. Quan điểm hướng xây dựng nông thôn mới của huyện.	74
4.1.2. Định hướng xây dựng nông thôn mới của huyện đến năm 2025	74
4.2. Mục tiêu xây dựng nông thôn mới đến năm 2025	75
4.2.1. Mục tiêu chung	75
4.2.2. Mục tiêu cụ thể	75
4.3. Các giải pháp cơ bản xây dựng nông thôn mới	76
4.3.1. Tuyên truyền phải thực hiện cuộc vận động xã hội sâu rộng về xây dựng NTM	76
4.3.2. Hỗ trợ phát triển kinh tế hộ nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp	

hàng hóa	77
4.3.3. Tăng cường nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	78
4.3.4. Nâng cao chất lượng, tiến độ quy hoạch và nội dung văn bản hướng dẫn lập quy hoạch NTM cấp xã	81
4.3.5. Huy động nguồn lực và cơ chế sử dụng nguồn lực	82
4.3.6. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao thu nhập và đời sống nhân dân	83
4.4. Kiến nghị	84
KẾT LUẬN	85
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	86



KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Dạng viết tắt	Dạng đầy đủ
MTQG	Mục tiêu quốc gia
NTM	Nông thôn mới
UBND	Ủy ban nhân dân
MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
KHKT	Khoa học kỹ thuật
KT – XH	Kinh tế - Xã hội
CNH	Công nghiệp hóa
HĐH	Hiện đại hóa
HTX	Hợp tác xã
THT	Tổ hợp tác
DA	Dự án
BCĐ	Ban chỉ đạo
BQL	Ban quản lý



DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU

Bảng 3.1. Đặc điểm chung của 5 xã điểm nghiên cứu sau khi rà soát	42
Bảng 3.2. Một số chỉ tiêu cơ bản của 5 xã điểm nghiên cứu sau khi rà soát	50
Bảng 3.3: Tình hình Quy hoạch và thực hiện quy hoạch nông thôn mới	52
Bảng 3.4. Kết quả rà soát, đánh giá hiện trạng XDNTM năm 2019	53
Bảng 3.5: Tình hình thực hiện tiêu chí Giao thông	54
Bảng 3.6: Tình hình thực hiện tiêu chí Thủy lợi	55
Bảng 3.7: Tình hình thực hiện tiêu chí về Điện nông thôn	56
Bảng 3.8: Tình hình thực hiện tiêu chí về Trường học	57
Bảng 3.9: Tình hình thực hiện tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa	58
Bảng 3.10: Tình hình thực hiện tiêu chí Chợ nông thôn	59
Bảng 3.11: Tình hình thực hiện tiêu chí Bưu điện	60
Bảng 3.12: Tình hình thực hiện tiêu chí Nhà ở dân cư	61
Bảng 3.13: Tình hình thực hiện tiêu chí Thu nhập và Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	63
Bảng 3.14: Tình hình thực hiện tiêu chí Hình thức tổ chức sản xuất	64
Bảng 3.15: Tình hình thực hiện tiêu chí Giáo dục	65
Bảng 3.16: Tình hình thực hiện tiêu chí Văn hóa	66
Bảng 3.17: Tình hình thực hiện tiêu chí Y tế	67
Bảng 3.18: Tình hình thực hiện tiêu chí Môi trường	68
Bảng 3.19: Tình hình thực hiện tiêu chí Hệ thống tổ chức chính trị xã hội	70



MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nông thôn là nơi sinh sống của bộ phận dân cư chủ yếu làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp. Nước ta hiện nay vẫn là một nước nông nghiệp với hơn 70% dân cư đang sống ở nông thôn. Phát triển nông nghiệp nông thôn đã, đang và sẽ là mối quan tâm hàng đầu, có vai trò quyết định đối với việc ổn định kinh tế - xã hội đất nước. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã xác định mục tiêu xây dựng nông thôn mới là: “Xây dựng nông thôn mới ngày càng giàu đẹp, dân chủ, công bằng, văn minh, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất phù hợp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển ngày càng hiện đại”. Thực hiện đường lối của Đảng, trong thời gian qua, phong trào xây dựng nông thôn mới đã diễn ra sôi nổi ở khắp các địa phương trên cả nước nói chung và ở huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên một huyện nghèo vùng núi cao thuộc diện đặc biệt khó khăn của cả nước nói riêng.

Sau thời gian thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đến nay 100% các xã trên địa bàn huyện đã phê duyệt xong đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 -2020. Bộ mặt nông thôn tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đã có nhiều đổi mới, tạo sự chuyển biến mạnh về nhận thức, ý thức của người dân trong việc thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới, vai trò chủ thể của cộng đồng cư dân nông thôn đã được nâng lên, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đã đạt được, quá trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên cũng đang gặp không ít những khó khăn, thách thức, ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành mục tiêu chương trình xây dựng nông thôn mới theo đúng lộ trình của tỉnh. Vấn đề này cần sớm được phân tích, làm rõ và có các giải pháp thúc đẩy phù hợp.

Trước yêu cầu của thực tiễn xây dựng nông thôn mới tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên hiện nay, với mong muốn góp phần nhỏ bé của



mình đề chương trình xây dựng nông thôn mới ở huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên nhanh chóng về đích, tôi chọn đề tài: “*Xây dựng và phát triển nông thôn mới ở huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên* ” làm luận văn Thạc sĩ, chuyên ngành Quản lý kinh tế .

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu chung

Từ việc nghiên cứu, tổng kết những vấn đề lý luận và thực tiễn về xây dựng nông thôn mới, đồng thời phân tích, đánh giá thực trạng quá trình xây dựng NTM ở huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên những năm vừa qua. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy xây dựng và phát triển NTM huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng và phát triển NTM ở nước ta .
- Đánh giá thực trạng quá trình tổ chức, quản lý và thực hiện xây dựng và phát triển NTM từ đó chỉ rõ các yếu tố ảnh hưởng đến xây dựng và phát triển NTM ở huyện Phú Lương, tỉnh Thái nguyên trong thời gian qua.
- Đề xuất định hướng và các giải pháp chủ yếu đẩy mạnh quá trình xây dựng và phát triển NTM ở huyện Phú Lương, tỉnh Thái nguyên trong những năm tới.

2.2. Mục tiêu nghiên cứu cụ thể

- Hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về xây dựng và phát triển NTM.
- Phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện chương trình xây dựng và phát triển NTM tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên chỉ ra những thành tựu đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.
- Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm phát triển việc thực hiện chương trình xây dựng và phát triển NTM trên địa bàn huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.



3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Quá trình xây dựng và phát triển NTM tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi về nội dung:*

Đề tài nghiên cứu vấn đề xây dựng và phát triển NTM tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- *Phạm vi về thời gian nghiên cứu:*

Số liệu được thu thập và đánh giá cho 3 năm (2016, 2017, 2018).

- *Phạm vi về không gian nghiên cứu:* Theo đơn vị hành chính của huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

4. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, luận văn có kết cấu gồm 4 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng và phát triển nông thôn mới trên địa bàn cấp huyện

Chương 2: Các phương pháp nghiên cứu

Chương 3: Thực trạng xây dựng và phát triển nông thôn mới ở huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

Chương 4: Giải pháp thúc đẩy xây dựng và phát triển nông thôn mới ở huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên



CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MỚI CẤP HUYỆN

1.1. Cơ sở lý luận về xây dựng và phát triển nông thôn mới cấp huyện

1.1.1. Các khái niệm cơ bản

1.1.1.1. Khái Niệm về nông thôn

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thông tư số: 54/2009/TT - BNNPTNT thì nông thôn được khái niệm: *Nông thôn là phần lãnh thổ không thuộc nội thành, nội thị các thành phố, thị xã, thị trấn được quản lý bởi cấp hành chính cơ sở là Ủy ban nhân dân xã.*

Nông thôn là một khái niệm chỉ vùng (khu vực) hành chính bên ngoài thành thị, đối lập với nó là thành phố, thị xã; là khu vực lãnh thổ rộng lớn ngoài thành phố.

Nông thôn là vùng sinh sống của tập hợp cư dân, trong đó có nhiều nông dân. Tập hợp cư dân này tham gia vào các hoạt động kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường trong một thể chế chính trị nhất định và chịu ảnh hưởng của các tổ chức khác. Khái niệm “nông thôn” thường đồng nghĩa với làng, xóm, thôn. Theo các tài liệu nghiên cứu, “làng” là từ nôm, là tiếng nói dân dã, ngôn ngữ đời sống trong dân gian ăn sâu vào trong tâm lý, ý thức của người Việt. Nó gợi ra môi trường kinh tế sản xuất với nghề trồng lúa nước cổ truyền - không gian sinh tồn; đồng thời là không gian xã hội và cảnh quan văn hoá xây đắp nên nền tảng tinh thần, tạo thành lối sống, cốt cách và bản lĩnh của người Việt.

Nông thôn có đặc điểm cơ bản khác với thành thị trên các mặt chủ yếu sau:

- Cư dân nông thôn chủ yếu là nông dân và làm nghề nông. Đây là địa bàn hoạt động chủ yếu của các ngành sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và các ngành nghề sản xuất kinh doanh, dịch vụ phi nông nghiệp. Trong các làng xã



truyền thống, sản xuất nông nghiệp chiếm vị trí chủ chốt và là nguồn sinh kế chính của đại bộ phận nông dân. Cùng với sự phát triển và tiến bộ của đất nước, đặc điểm này có sự thay đổi. Các vùng nông thôn trong tương lai sẽ không phải chủ yếu có các nông dân sinh sống và làm nông nghiệp, thay vào đó là các cư dân cư trú và tiến hành nhiều hoạt động kinh tế khác nhau, gồm cả sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp và thương mại dịch vụ. Theo đó, tỷ trọng lao động và GDP của các ngành kinh tế ở nông thôn cũng thay đổi theo hướng gia tăng cho công nghiệp và dịch vụ.

- Nông thôn thể hiện tính chất đa dạng về điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái, các vùng nông thôn quản lý một lượng tài nguyên thiên nhiên to lớn, phong phú và đa dạng, bao gồm các tài nguyên đất, nước, khí hậu, rừng, sông suối, ao hồ, khoáng sản, hệ động thực vật gồm tự nhiên và do con người tạo ra.

- Dân cư nông thôn có mối quan hệ họ tộc và gia đình khá chặt chẽ với những quy định cụ thể của từng họ tộc và gia đình. Ở nông thôn, có nhiều gia đình trong một dòng họ cùng sinh sống và gắn bó với nhau gần gũi, khăng khít lâu đời. Những người ngoài dòng họ cùng chung sống, góp sức phòng tránh thiên tai, giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống tạo nên tình làng nghĩa xóm lâu bền.

- Nông thôn lưu giữ và bảo tồn nhiều di sản văn hoá của quốc gia như các phong tục, tập quán cổ truyền về đời sống, lễ hội, sản xuất nông nghiệp và ngành nghề truyền thống, các di tích lịch sử, văn hoá, các danh lam thắng cảnh. Đây chính là nơi chứa đựng kho tàng văn hoá dân tộc, đồng thời là khu vực giải trí, du lịch sinh thái phong phú và hấp dẫn đối với mọi người.

1.1.1.2. Khái niệm về nông thôn mới

Nông thôn mới trước tiên phải là nông thôn chứ không phải là thị tứ, và cũng không phải nông thôn truyền thống. Nếu so với nông thôn truyền thống, thì nông thôn mới phải bao hàm cơ cấu và chức năng mới.



Ngày 16 tháng 4 năm 2009 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 491/QĐ-TTg Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới gồm 19 tiêu chí (sẽ giới thiệu cụ thể ở mục 1.1.2.4).

Ngày 21 tháng 8 năm 2009 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

Từ Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, ta thấy nông thôn mới là nông thôn toàn diện bao gồm tất cả các lĩnh vực từ kinh tế, xã hội đến quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái và phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của từng vùng.

Theo tinh thần của quyết định trên nông thôn mới là nông thôn có kết cấu hạ tầng KT-XH hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, xã hội dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, đời sống vật chất, tinh thần được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ, an ninh trật tự được giữ vững.

1.1.1.3. Khái niệm về xây dựng và phát triển nông thôn mới

Xây dựng nông thôn mới phải đạt những nội dung cơ bản sau: làng xã văn minh, sạch đẹp, hạ tầng hiện đại; sản xuất phải phát triển bền vững theo hướng kinh tế hàng hoá; đời sống về vật chất và tinh thần của dân nông thôn ngày càng được nâng cao; bản sắc văn hoá dân tộc được giữ gìn và phát triển; xã hội nông thôn an ninh tốt, quản lý dân chủ.

Thực tế hiện nay trong quá trình chỉ đạo xã điểm triển khai XDNTM ở nước ta đang gặp phải 3 khó khăn lớn: Đầu tiên là tăng nhanh, bền vững thu nhập cho nông dân, mục tiêu đến 2020 thu nhập tăng gấp 2,5 lần hiện nay. Khó khăn tiếp theo là xây dựng hạ tầng nông thôn hiện đại, trong điều kiện thực tế hạ tầng nông thôn quá lạc hậu. Cuối cùng vấn đề chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông thôn, sao cho đến năm 2020 lao động nông nghiệp chiếm 30% lao động của xã hội (hiện nay gần 60%).



1.1.1.4. Những vấn đề chủ yếu về xây dựng nông thôn mới

a) Trước hết cần làm rõ vì sao phải xây dựng nông thôn mới

Ngay sau khi nước ta thành lập năm 1945, mặc dù vẫn tập trung chỉ đạo cho công cuộc kháng chiến chống Pháp, Đảng Cộng sản Việt Nam mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quan tâm tới xây dựng và phát triển nông thôn, Người nêu rõ vai trò, vị trí và tầm quan trọng của nông thôn: “Nông thôn giàu có sẽ mua nhiều hàng hoá của công nghiệp sản xuất ra, đồng thời sẽ cung cấp đầy đủ lương thực, nguyên liệu cho công nghiệp và thành thị. Như thế là nông thôn giàu có giúp cho công nghiệp phát triển, công nghiệp phát triển lại thúc đẩy nông nghiệp phát triển mạnh hơn nữa” [8,Tr60]. Bác coi phát triển nông nghiệp là nhân tố đầu tiên, là cội nguồn của mọi vấn đề kinh tế - xã hội.

Bác Hồ luôn coi nông dân là lực lượng to lớn của cách mạng, xây dựng khối liên minh công nông do Đảng lãnh đạo để đoàn kết dân tộc, là cơ sở, là chỗ dựa quan trọng chiến tranh bảo vệ, giải phóng và xây dựng đất nước.

Thực tiễn trong bảo vệ, xây dựng đất nước, trong phát triển kinh tế ở nước ta đến nay cho thấy, cùng với chính sách đổi mới, mở cửa đã minh chứng điều nhận định trên. Nền nông nghiệp nước ta không những đảm bảo lương thực đủ ăn cho 90 triệu người dân nước ta mà còn xuất khẩu một lượng lớn hàng nông sản. Qua nhiều kỳ Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng, vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn được quan tâm đặc biệt. Xuất phát từ thực tiễn và yêu cầu phát triển của đất nước, nhận thức của Đảng và Nhà nước ngày càng được nâng cao, càng được quan tâm tới phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong tổng thể phát triển chung của đất nước. Hiện nay lực lượng nông dân vẫn chiếm tỷ lệ lớn trong dân số, là lực lượng quan trọng của cách mạng, mà chính nông nghiệp, nông dân nước ta luôn khẳng định vai trò đóng góp hết sức to lớn trong sự nghiệp phát triển kinh tế của nước ta. Nông nghiệp mở đường trong quá trình đổi mới, tạo nền tảng, động lực tăng



trường kinh tế và là nhân tố quan trọng bảo đảm sự ổn định kinh tế, chính trị, xã hội. Cho đến nay sản phẩm nông nghiệp vẫn là những sản phẩm chủ yếu để đi vào sự hội nhập kinh tế quốc tế và sự hội nhập toàn cầu của nước ta.

Đến Hội nghị Trung ương 7 khóa X của Đảng đã thông qua Nghị quyết số 26-NQ/TW khẳng định rõ nét về nông nghiệp - nông dân - nông thôn (NN-ND-NT) với các nội dung cơ bản:

- Vị trí chiến lược của NN-ND-NT trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa (CNH-HĐH) xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Vấn đề NN- ND- NT phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh CNH- HĐH. Công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là nhiệm vụ hàng đầu của quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Trong mối quan hệ NN- ND- NT, nông dân là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch là căn bản; phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp là then chốt.

- Phát triển nông nghiệp - nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân phải dựa trên cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với điều kiện từng vùng, từng lĩnh vực, để giải phóng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội, trước hết là lao động, đất đai, rừng, biển; khai thác tốt điều kiện thuận lợi trong hội nhập kinh tế quốc tế cho phát triển lực lượng sản xuất trong nông nghiệp - nông thôn; phát huy cao nội lực; đồng thời tăng mạnh đầu tư của Nhà nước và xã hội, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến cho nông nghiệp - nông thôn, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí nông dân.

- Giải quyết vấn đề NN-ND-NT là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Trước hết phải khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực, tự cường vươn lên của nông dân. Xây dựng xã hội nông thôn ổn định, hòa thuận, dân chủ, có đời sống văn hóa phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc,



tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân.

b) Nguồn gốc về xây dựng nông thôn mới

Theo từng giai đoạn lịch sử, xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn có khác nhau sao cho phù hợp với nhu cầu của con người. Xây dựng nông thôn mới là một đòi hỏi khách quan để đáp ứng nhu cầu tất yếu ngày càng cao của con người. Đối với nước ta hiện nay cần phải xây dựng nông thôn mới, là một nông thôn giàu đẹp, văn minh, sản xuất phát triển, thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn.

Nông thôn mới (NTM) trước hết là một vùng nông thôn chứ không phải đô thị. Là vùng nông thôn có những nét hiện đại mà nông thôn truyền thống không có, được thể hiện trong đặc trưng, đặc điểm và nội dung.

Xây dựng nông thôn mới hiện nay có sự khác biệt so với các chương trình, dự án đầu tư cho nông thôn trước đây ở bốn mặt như sau:

Một là, nội dung xây dựng NTM với sự phát triển nông thôn toàn diện, trước đây xây dựng nông thôn thường thông qua chương trình hay dự án chỉ giải quyết một số khía cạnh riêng lẻ.

Hai là, cơ chế phối hợp đồng bộ, trên cơ sở phát huy tổng lực của xã hội cho quá trình xây dựng NTM.

Ba là, nguồn lực dựa vào nội lực và do cộng đồng địa phương làm chủ. Sử dụng phương châm phát huy nội lực là chính, lấy sức dân, lo cuộc sống cho dân, trước đây huy động nguồn nội lực có nhiều hạn chế, chưa phát huy hiệu quả năng lực của người dân và cộng đồng.

Bốn là, xây dựng các xã điểm NTM làm cơ sở để nhân rộng cho các xã khác.

c) Đặc trưng của xây dựng nông thôn mới

Việc xây dựng nông thôn mới là một trong nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, góp phần nâng cao đời



sống vật chất, tinh thần cho người dân sinh sống ở địa bàn nông thôn. Trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020, nông thôn mới của nước ta có những đặc trưng cơ bản:

- Kinh tế phát triển, đời sống vật chất, văn hóa dân cư được nâng cao.
- Nông thôn phát triển theo quy hoạch, có cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội hiện đại, môi trường sinh thái được bảo vệ.
- Dân trí được nâng cao, bản sắc văn hóa dân tộc giữ gìn và phát huy.
- An ninh tốt, quản lý dân chủ.
- Chất lượng hệ thống chính trị được nâng cao. Điểm nổi bật của xây dựng nông thôn mới
- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại.
- Cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp.
- Xã hội nông thôn ổn định, đời sống vật chất văn hóa tinh thần của người dân được nâng cao, thu nhập tăng, tỷ lệ hộ nghèo thấp.
- Vừa mang tính hiện đại nhưng cũng giữ được bản sắc văn hóa dân tộc.
- Trình độ lao động ngày càng tiến bộ, năng suất lao động tăng.
- Môi trường sinh thái được bảo vệ.
- Hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường.

d) Nguyên tắc xây dựng nông thôn mới

- Nguyên tắc 1: Các nội dung, hoạt động của Chương trình xây dựng nông thôn mới phải hướng tới thực hiện 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia (TCQG) về nông thôn mới đã ban hành tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ.
- Nguyên tắc 2: Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư địa



phương là chính, Nhà nước đóng vai trò định hướng, ban hành các chính sách, cơ chế hỗ trợ, đào tạo cán bộ và hướng dẫn thực hiện. Các hoạt động cụ thể



do chính cộng đồng người dân ở thôn, xã bàn bạc dân chủ để quyết định và tổ chức thực hiện.

- Nguyên tắc 3: Kế thừa và lồng ghép chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn nông thôn.

- Nguyên tắc 4: Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới phải gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, có quy hoạch và cơ chế đảm bảo thực hiện các quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Nguyên tắc 5: Công khai, minh bạch về quản lý, sử dụng các nguồn lực; tăng cường phân cấp, trao quyền cho cấp xã quản lý và tổ chức thực hiện các công trình dự án của chương trình xây dựng NTM; phát huy vai trò làm chủ của người dân và cộng đồng, thực hiện dân chủ cơ sở trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá.

- Nguyên tắc 6: Xây dựng NTM là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; cấp ủy đảng, chính quyền đóng vai trò chỉ đạo, điều hành quá trình xây dựng quy hoạch, đề án, kế hoạch và tổ chức thực hiện; mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị, xã hội vận động mọi tầng lớp nhân dân phát huy vai trò chủ thể trong xây dựng nông thôn mới.

e) Yêu cầu của chương trình xây dựng nông thôn mới

Yêu cầu là quán triệt sâu sắc quan điểm, mục tiêu và nội dung của Nghị quyết Trung ương để xây dựng các chương trình kinh tế - xã hội, các đề án chuyên ngành cụ thể hóa thành văn bản quy phạm pháp luật. Trên cơ sở chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, ngành, ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch cụ thể để chỉ đạo triển khai thực hiện, cùng với nhiệm vụ sau:

Một là, thống nhất nhận thức, hành động về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Các cơ quan chức năng các cấp tổ chức quán triệt và tuyên truyền,



giáo dục, vận động sâu rộng trong toàn xã hội về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của NN-ND-NT trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, cụ thể hóa những chủ trương và giải pháp lớn, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị để triển khai các nội dung và Nghị quyết này cũng như những Nghị quyết khác của Đảng, Nhà nước liên quan đến NN-ND-NT.

Hai là, tiếp tục triển khai đồng bộ, có hiệu quả ở địa bàn nông thôn các Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) đã được phê duyệt, triển khai xây dựng mới CTMTQG sau:

- Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới.
- Chương trình MTQG về thích ứng với sự biến đổi khí hậu. Trong đó làm rõ các nội dung xây dựng và hoàn thiện mạng lưới theo dõi, dự báo, cảnh báo các loại thiên tai (bão lũ, nước biển dâng...) trên từng địa bàn.
- Chương trình MTQG về đào tạo nguồn nhân lực nông thôn. Tập trung xây dựng kế hoạch và giải pháp đào tạo cho bộ phận con em nông dân đủ trình độ, năng lực vào làm việc ở các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và chuyên nghề; bộ phận nông dân tiếp tục sản xuất được đào tạo về kiến thức và kỹ năng để thực hành sản xuất nông nghiệp hiện đại.

Ba là, nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch. Rà soát và xây dựng mới các quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị, trong đó có cả thị trấn, thị tứ; quy hoạch phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, phát triển giao thông; quy hoạch thủy lợi theo hướng đa mục tiêu; quy hoạch về chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao.

Bốn là, xây dựng các đề án chuyên ngành theo nhóm:

- Xây dựng nền nông nghiệp hiện đại nhằm khai thác tối đa lợi thế so sánh của từng vùng.
- Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ nông thôn.
- Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật nông thôn: thủy lợi, giao thông, các kết cấu hạ tầng xã hội nông thôn.



- Đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn.
- Phát triển khoa học công nghệ trở thành khâu đột phá để phát triển nông thôn.
- Nâng cao năng lực quản lý Nhà nước.

f) Các bước xây dựng nông thôn mới

Trình tự xây dựng NTM bao gồm 7 bước như sau:

Bước 1. Thành lập hệ thống quản lý, thực hiện: Thành lập Ban quản lý xã do Chủ tịch UBND xã làm trưởng ban; đại diện một số cơ quan chuyên môn, ban ngành đoàn thể của xã và đại diện thôn do cộng đồng bầu ra. Ban quản lý xã có 6 nhiệm vụ đã được ghi rõ trong Bộ TCQG.

Bước 2. Tổ chức thông tin, tuyên truyền về thực hiện Chương trình XDNTM: Tổ chức tuyên truyền với nhiều hình thức phong phú, thường xuyên, cung cấp đầy đủ thông tin tạo điều kiện cho cả hệ thống chính trị và toàn xã hội hiểu rõ mục đích, nội dung, tư tưởng chỉ đạo, cơ chế chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng nông thôn mới. Cụ thể: nêu rõ và nắm rõ sự cần thiết phải tuyên truyền vận động; những nội dung cần phổ biến, tìm hiểu về xây dựng nông thôn mới; phương pháp phổ biến, tuyên truyền.

Bước 3. Khảo sát đánh giá thực trạng theo 19 tiêu chí đã ban hành gồm: Trình tự các bước khảo sát, đánh giá thực trạng và xây dựng đề án; khảo sát đánh giá thực trạng; xây dựng đề án nông thôn mới.

Bước 4. Xây dựng quy hoạch NTM của xã gồm các nội dung: Quy hoạch không gian và quy hoạch hạ tầng KT - XH trên địa bàn xã. Quy hoạch mới gồm 3 nội dung chủ yếu: quy hoạch xây dựng mạng lưới điểm dân cư và phân vùng sản xuất nông nghiệp; quy hoạch xây dựng chi tiết khu trung tâm xã và điểm dân cư nông thôn; quy hoạch chi tiết hệ thống thủy lợi và giao thông nội đồng. Yêu cầu chung về quy hoạch (bao gồm 5 yêu cầu).

Bước 5. Lập, phê duyệt đề án xây dựng NTM của xã gồm các nội dung: Ban hành Nghị quyết Đảng ủy xã và tuyên truyền phổ biến; chủ đầu tư đề án



là UBND xã chủ trì xây dựng quy hoạch, chọn đơn vị ký hợp đồng tư vấn; lập nhiệm vụ quy hoạch; đơn vị tư vấn thiết kế quy hoạch; Ban quản lý xã phối hợp với tư vấn để xây dựng quy hoạch chung với việc lấy ý kiến tại hội nghị quân - dân - chính - đảng - HĐND, họp với đại diện nhân dân từng thôn; tham khảo ý kiến Sở xây dựng và ý kiến UBND huyện; UBND xã trình UBND huyện phê duyệt quy hoạch; Chủ tịch UBND huyện phê duyệt sau khi có thẩm định của Phòng công thương và Phòng nông nghiệp, có ý kiến của sở XD và sở NN&PTNT.

Bước 6. Tổ chức thực hiện đề án: UBND xã công bố quy hoạch tại Hội nghị Quân - dân - chính - Đảng; hồ sơ quy hoạch chung và hồ sơ quy hoạch chi tiết đầy đủ theo quy định.

Bước 7. Giám sát, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện

Người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định trước khi phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án đầu tư theo phân cấp quản lý huyện, xã. Hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Chủ đầu tư, đơn vị cần lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư về báo cáo kinh tế - kỹ thuật, bản vẽ thi công, dự toán các công trình.

g) Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới

- *Xã nông thôn mới*

Căn cứ vào Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới đối với 7 vùng.

Đối với trung du miền núi phía bắc, xã nông thôn mới có 19 tiêu chí như sau:

Tiêu chí 1: Quy hoạch và thực hiện quy hoạch.

Tiêu chí 2: Giao thông.

Tiêu chí 3: Thủy lợi

Tiêu chí 4: Điện.

Tiêu chí 5: Trường học.



Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa.

Tiêu chí 7: Chợ.

Tiêu chí 8: Bưu điện.

Tiêu chí 9: Nhà ở dân cư.

Tiêu chí 10: Thu nhập.

Tiêu chí 11: Hộ nghèo.

Tiêu chí 12: Cơ cấu lao động.

Tiêu chí 13: Hình thức tổ chức sản xuất.

Tiêu chí 14: Giáo dục.

Tiêu chí 15: Y tế.

Tiêu chí 16: Văn hóa.

Tiêu chí 17: Môi trường.

Tiêu chí 18: Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh.

Tiêu chí 19: An ninh trật tự xã hội.

Trong mỗi tiêu chí nêu trên, có quy định từng nội dung cụ thể.

- *Huyện nông thôn mới*

Trong huyện có 75% số xã đạt nông thôn mới.

- *Tỉnh nông thôn mới*

Trong tỉnh có 80% số huyện đạt nông thôn mới.

1.1.2. Nội dung xây dựng và phát triển nông thôn mới

1.1.2.1. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng nông thôn mới

Nông thôn Việt Nam là một địa bàn chiến lược chiếm vị trí đặc biệt quan trọng trong lịch sử xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là nơi sinh sống của một bộ phận dân cư chủ yếu làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp. Vì vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn coi trọng vai trò của nông thôn mà gắn liền với nó là nông nghiệp và nông dân. Ngay trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề xuất phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới ở vùng giải phóng với ba nội dung chủ yếu là:



- Thi đua tăng gia sản xuất để diệt giặc đói.
- Thi đua học chữ quốc ngữ để diệt giặc dốt.
- Thi đua giúp đỡ bộ đội, xây dựng dân quân du kích để diệt giặc ngoại xâm.

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã rất chú trọng xây dựng “đời sống mới” và coi đó là biện pháp có hiệu quả nhằm xóa bỏ tàn dư lạc hậu do chế độ cũ để lại. Đây cũng là biện pháp để từng bước giáo dục các tầng lớp nhân dân nhận thức được tính ưu việt của chế độ xã hội mới và trách nhiệm của mình đối với xây dựng xã hội mới. Ngày 3 tháng 4 năm 1946, Ủy ban vận động đời sống mới Trung ương được thành lập nhằm đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động xây dựng đời sống mới trong toàn dân. Đây chính là giải pháp có ý nghĩa đột phá để xây dựng nông thôn mới. Năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tác phẩm “Đời sống mới” để hướng dẫn các tầng lớp nhân dân thực hành xây dựng đời sống mới. Đó là tiền đề đầu tiên để tiến hành xây dựng nông thôn mới trong suốt quá trình chiến đấu chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Những phong trào thi đua sôi nổi ở nông thôn như: phong trào thanh niên “Ba sẵn sàng”, phong trào phụ nữ “Ba đảm đang”, phong trào “Tất cả vì tiền tuyến”, “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”... đã góp phần to lớn vào thắng lợi chung của dân tộc trong cuộc chiến đấu chống xâm lược và thống nhất Tổ quốc.

Sau ngày thống nhất đất nước, quá trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được duy trì và phát huy mạnh mẽ trong thời kỳ đổi mới. Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Đảng ta xác định mục tiêu xây dựng nông thôn mới là: “Xây dựng nông thôn mới ngày càng giàu đẹp, dân chủ, công bằng, văn minh, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất phù hợp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển ngày càng hiện đại”

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020 [60] thì xây dựng



NTM được hiểu qua mục tiêu của chương trình, cụ thể là: Xây dựng NTM có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nội dung của Chương trình được cụ thể 19 tiêu chí với các nội dung: (1) Quy hoạch, hạ tầng kinh tế, xã hội; (2) Kinh tế và tổ chức sản xuất; (3) Văn hóa, xã hội và môi trường; (4) Hệ thống chính trị. Địa phương được công nhận đạt chuẩn phải đáp ứng đủ 19 tiêu chí và như vậy đảm bảo quá trình phát triển theo hướng bền vững đảm bảo phát triển hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường.

1.1.2.2. Nội dung xây dựng và phát triển nông thôn mới

Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới là một chương trình cụ thể hóa Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, gồm 11 nội dung sau:

Nội dung 1: Quy hoạch xây dựng nông thôn mới

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 01 của BTQG về nông thôn mới.
- Quy hoạch: Quy hoạch đất, hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường.

Nội dung 2: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

- Mục tiêu: Đạt các tiêu chí số 2,3,4,5,6,7,8,9.
- Nội dung cụ thể:
 - 1) Hoàn thiện đường giao thông đến trụ sở UBND xã và hệ thống giao thông trên địa bàn xã (bê tông hóa, nhựa hóa) và trục đường thôn, xóm cứng hóa.



2) Hoàn thiện hệ thống công trình cung cấp điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

3) Hoàn thiện hệ thống công trình phục vụ nhu cầu về văn hóa thể thao (nhà văn hóa xã, thôn).

4) Hoàn thiện hệ thống công trình chuẩn hóa y tế trên địa bàn xã.

5) Hoàn thiện hệ thống công trình chuẩn hóa giáo dục trên địa bàn xã.

6) Hoàn chỉnh trụ sở xã và các công trình phụ trợ.

7) Cải tạo, xây dựng mới hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã.

Nội dung 3. Chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 10,12.

+ Nội dung:

1) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng

sản xuất hàng hóa, có hiệu quả kinh tế cao.

2) Tăng cường công tác khuyến nông, đẩy nhanh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

3) Cơ giới hóa nông nghiệp, giảm tổn thất sau thu hoạch.

4) Bảo tồn làng nghề truyền thống theo phương châm mỗi làng một sản phẩm phát triển ngành nghề theo thế mạnh của địa phương.

5) Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thúc đẩy đưa công nghiệp vào nông thôn, giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn.

Nội dung 4: Giảm nghèo và an sinh xã hội

Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11

Nội dung:

1) Thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững.

2) Tiếp tục triển khai chương trình giảm nghèo.

3) Thực hiện các chương trình an sinh xã hội.



Nội dung 5: Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn

Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 13.

Nội dung:

Phát triển kinh tế hộ, trang trại, HTX.

Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn.

3) Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết kinh tế giữa các loại hình kinh tế nông thôn.

Nội dung 6: Phát triển giáo dục và đào tạo

Mục tiêu: Đạt yêu cầu số 5 và 14.

Nội dung: Tiếp tục thực hiện CTMTQG về giáo dục.

Nội dung 7: Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cư dân nông thôn

Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 5 và 15.

Nội dung: Tiếp tục thực hiện CTMTQG về y tế.

Nội dung 8: Xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn

Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 và 16.

Nội dung:

Thực hiện CTMTQG về văn hóa.

Thực hiện thông tin và truyền thông nông thôn.

Nội dung 9: Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 17.

Nội dung:

1) Tiếp tục thực hiện CTMTQG về nước sạch và môi trường nông thôn.

2) Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, thôn theo quy hoạch: xây dựng hệ thống tiêu thoát nước trong thôn, xóm; xây dựng các điểm thu gom, xử lý rác thải ở các xã, chính trang, cải tạo nghĩa trang, cải tạo các ao, hồ sinh thái trong khu dân cư, phát triển cây xanh ở công trình công cộng.



Nội dung 10: Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội

Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 18.

Nội dung:

- 1) Tổ chức đào tạo cán bộ đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ.
- 2) Ban hành chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo đủ tiêu chuẩn về công tác ở xã, đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa để nhanh chóng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ ở vùng này.
- 3) Bổ sung chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

Nội dung 11: Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn

Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 19.

Nội dung:

- 1) Ban hành nội quy, quy ước làng xóm về trật tự, an ninh, phòng chống tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu.
- 2) Điều chỉnh và bổ sung chức năng, nhiệm vụ và chính sách tạo điều kiện cho lực lượng an ninh xã, thôn, xóm hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự xã hội.

1.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc xây dựng và phát triển nông thôn mới cấp Huyện.

1.1.3.1. Nhân tố chủ quan

a. Văn bản ban hành.

Các văn bản ban hành cần có sự thống nhất và đồng bộ ngay từ ban đầu theo một hệ thống. Văn bản hướng dẫn, các cơ chế chính sách ban hành thiếu kịp thời, chồng chéo, nhiều nội dung còn xa thực tiễn, khó áp dụng trong quá trình thực hiện. Việc tổ chức triển khai cơ chế hoạt động, chính sách đã ban hành phải thực sự quyết liệt, chủ động và đồng bộ. Đây vừa là yếu tố ảnh



hưởng, vừa là khó khăn trong xây dựng nông thôn mới, nên cần phải điều chỉnh, khắc phục. Việc ban hành các chính sách XDNTM cần thiết và phải đảm bảo tính kịp thời, tính hướng dẫn và tính khả thi.

b. Đời sống kinh tế.

Nhìn chung đời sống kinh tế của người dân nông thôn ở các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và đồng bào dân tộc tuy đã và đang thụ hưởng một số chính sách của Chính phủ, đời sống bước đầu đã được cải thiện, nhưng vẫn còn rất nhiều trở ngại, khó khăn. Đối với 5 xã điểm của huyện Phú Lương, thu nhập của dân cư nhìn chung không cao, vẫn còn có xã thu nhập bình quân đầu người còn quá thấp, sản xuất nông lâm nghiệp là chủ yếu, có thôn xóm sản xuất còn nặng tính tự cấp, tự túc, các ngành nghề khác kém phát triển. Vì thế việc đóng góp của dân có nhiều hạn chế làm ảnh hưởng tới việc huy động phát huy nội lực của người dân - người chủ thực sự trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

c. Nhận thức, trình độ và kinh nghiệm của cán bộ

- Vấn đề nhận thức đúng hơn, rõ hơn vai trò, vị trí và những đặc trưng cơ bản cũng như yếu tố tác động tới xây dựng nông thôn mới, khắc phục tính không sát thực tiễn và thiếu tính lý luận. Trước tiên cần phải làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, tạo ra sự thống nhất cao trong Đảng, trong nhân dân về quan điểm, nội dung, phương pháp, cơ chế chính sách của Nhà nước, để cả hệ thống chính trị ở cơ sở và mỗi người dân hiểu rõ, từ đó đồng tâm, chung sức, tự giác, chủ động tham gia. Cần nhận thức rằng XDNTM là chương trình phát triển KT - XH toàn diện ở nông thôn tiến hành cùng với quá trình CNH - HĐH nông nghiệp, nông thôn do nhân dân trong xã làm chủ, phát huy cao nhất nội lực, các nguồn lực xã hội với sự trợ giúp của Nhà nước mới thành công, bền vững.

- Về cán bộ quản lý phần lớn chưa có kinh nghiệm, chưa được đào tạo cơ bản về tổ chức, quản lý xây dựng nông thôn mới, trong khi chương trình còn mới mẻ, vừa triển khai thực hiện, vừa đúc rút kinh nghiệm. Từ đó dẫn đến

sự thụ động, nhất là cán bộ cấp xã, có thể dẫn tới tình trạng khoán trắng về quy hoạch cho cơ quan tư vấn, làm cho nhiều dự án nội dung dàn trải, có thể chỉ tập trung vào xây dựng hạ tầng mà thiếu sự quan tâm tới phát triển kinh tế, thiếu sự lựa chọn biện pháp có tính đột phá để có bước chuyển biến mạnh mẽ. Đòi hỏi cán bộ phải thấu hiểu, có trình độ quản lý, chuyên môn và sự nhiệt tình tâm huyết, có sự đồng thuận cao trong nội bộ.

- Trình độ văn hóa, chuyên môn kỹ thuật, chất lượng của lao động trong nông thôn còn nhiều hạn chế và thấp. Việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thông qua chương trình khuyến nông cần phải trực tiếp, xây dựng mô hình mẫu, có những thao tác kỹ thuật phải cầm tay chỉ việc thì người dân mới có thể tiếp thu và áp dụng. Đào tạo nghề trong sản xuất nông nghiệp cần phải gắn với điều kiện và nhu cầu sản xuất thực tế của địa phương đó. Vấn đề làm thế nào để nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn kỹ thuật; để biến đổi được sự nhận thức, lối tư duy tiểu nông, thiếu sáng tạo, làm ăn nhỏ lẻ, ngại thay đổi của người nông dân cần phải có giải pháp cần thiết. Có như vậy, người nông dân mới thấy được vai trò là chủ thể của xây dựng nông thôn mới

1.1.3.2. Nhân tố khách quan

a. Địa hình, khí hậu

Phần lớn địa hình các xã miền núi không đồng nhất, đồi núi xen kẽ, độ dốc khác nhau, tạo ra sự manh mún về đất đai trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là đối với 5 xã điểm của huyện Phú Lương có sự khác biệt nhau về địa hình, địa mạo. Để đáp ứng tiêu chí xây dựng cánh đồng mẫu lớn ở các xã này cần áp dụng biện pháp dồn điền đổi thửa để tạo vùng sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên canh, dễ áp dụng tiến bộ kỹ thuật và cơ giới hóa. Đối với yêu cầu này lại càng khó khăn không chỉ do yếu tố kỹ thuật mà còn chịu ảnh hưởng của tâm lý và tập quán nói chung của cộng đồng dân cư tại các xã này. Do đó, việc này cần phải có giải pháp phù hợp với một hành lang pháp lý cho việc dồn điền đổi thửa hợp với quy hoạch sử dụng đất. Bên cạnh địa hình



thì khí hậu có ảnh hưởng lớn đến quá trình thực hiện như tiến độ thi công từng loại công trình thường bị chậm với kế hoạch do mưa, bão, sạt lở, lũ lụt...gây ra.

b. Hạ tầng cơ sở, vật chất kỹ thuật

Đánh giá về hạ tầng cơ sở của 5 xã điểm phân nhiều được xây dựng đã khá lâu, nhiều công trình đã và đang xuống cấp, việc xây dựng không đồng bộ, về cơ sở vật chất, trang bị nghèo nàn thiếu chưa đồng bộ.

Qua đó ta thấy yếu tố khách quan, cả về tự nhiên, kỹ thuật và lịch sử và cả những mâu thuẫn giữa sản xuất nhỏ với nhu cầu của thị trường lớn, hiệu quả thấp mà rủi ro cao có ảnh hưởng tới xây dựng nông thôn mới. Những vấn đề đó rất khó lượng hóa. Do đó, trong nhận thức, trong quá trình triển khai thực hiện sẽ gặp khó khăn, vướng mắc, cần có những giải pháp thích hợp mới mang lại thành công xây dựng nông thôn mới.

1.2. Cơ sở thực tiễn về việc xây dựng và phát triển nông thôn mới ở các Huyện và bài học kinh nghiệm rút ra cho việc xây dựng và phát triển nông thôn mới tại Huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

1.2.1. Xây dựng và phát triển nông thôn mới tại Huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Để có thể xây dựng nông thôn mới đạt được hiệu quả, chúng ta cần phát huy tối đa vai trò chỉ đạo của Nhà nước. Mục tiêu cuối cùng của công cuộc xây dựng nông thôn mới là rút ngắn khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, xây dựng bộ mặt nông thôn hiện đại, đem lại lợi ích cho đông đảo nông dân. Chính phủ là người tổ chức và thúc đẩy công cuộc xây dựng nông thôn mới. Do đó, cần chú ý phát huy vai trò chủ đạo của Chính phủ trong các phương diện hoạch định chính sách, phân bổ nguồn tài nguyên, đầu tư xây dựng, để công cuộc xây dựng nông thôn mới được tiến hành một cách thuận lợi trong môi trường chính sách phù hợp.

Một nhiệm vụ quan trọng trong công cuộc xây dựng nông thôn mới là



phải dựa vào sức mạnh của truyền thông, cơ chế, chính sách để kêu gọi, gọi mở cho người nông dân, khích lệ người nông dân phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, hình thành nên động lực nội tại cho công cuộc xây dựng nông thôn mới.

Việc xây dựng và phát triển nông thôn mới ở Huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện tốt thông qua các công việc:

Cần làm tốt công tác tuyên truyền, vận động giáo dục, thuyết phục để đội ngũ cán bộ đảng viên và nhân dân nhận thức rõ và thấy được tầm quan trọng của quá trình xây dựng nông thôn mới, đây là một chương trình lớn mang tính tổng hợp về kinh tế, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng, do đó đòi hỏi phải có sự vào cuộc đồng bộ, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị. Từ đó hiểu rõ nội dung, cách làm, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng tổ chức và cá nhân trong xây dựng NTM. Để xóa bỏ tư tưởng trông chờ Nhà nước, cần có sự phân công đăng ký nhiệm vụ đối với từng tổ chức, từng ngành, tăng cường kiểm tra đôn đốc, đánh giá phân loại vào thi đua khen thưởng.

Thực hiện nghiêm túc các hướng dẫn của trên thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban chỉ đạo, Ban quản lý từ xã đến thôn. Xây dựng nội quy, quy chế hoạt động, phân công rõ trách nhiệm cho từng bộ phận, từng thành viên, phân cấp, quản lý, cụ thể, rõ ràng, không để tình trạng né tránh, tập trung lãnh đạo với phương châm “dễ làm trước khó làm sau” không nóng vội, càng không để mất cơ hội.

Thực hiện trước chủ trương xã hội hóa, huy động các nguồn lực trong cộng đồng dân cư, con em thành đạt xa quê và các doanh nghiệp có tiềm lực và tâm huyết với nông thôn, khai thác các nguồn thu tại địa phương “Lấy sức dân để lo cho dân” tạo nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng thuộc nhóm không có hỗ trợ của nhà nước.

Phát huy tốt quy chế dân chủ công khai, minh bạch, thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát, kịp thời chấn chỉnh, điều chỉnh, uốn nắn những lệch lạc tạo niềm tin cho quần chúng nhân dân.



1.2.2. Kinh nghiệm xây dựng và phát triển nông thôn mới tại tỉnh Thái Bình.

- Nhiều thập niên qua, Đảng bộ Thái Bình dành cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn sự quan tâm đặc biệt, luôn coi nông nghiệp và nông thôn là lĩnh vực, địa bàn quan trọng đối với sự ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội. Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Từ đầu năm 2009, Thái Bình đã chủ động triển khai xây dựng mô hình nông thôn mới tại 8 huyện, thành phố và đến nay, đã đạt được một số kết quả quan trọng bước đầu. Thời kỳ đổi mới, Thái Bình đã tập trung thực hiện chương trình “điện, đường, trường, trạm, nước sạch và điện thoại”, với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, làm thay đổi hẳn bộ mặt nông thôn và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân. Hiện nay, Thái Bình vẫn xác định đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và chuyển nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa là một trong những nhiệm vụ trọng tâm tạo bước đột phá tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Năm 2009, Thái Bình đã chủ động đề ra chủ trương và chọn 8 xã ở 8 huyện, thành phố làm điểm xây dựng nông thôn mới với 30 tiêu chí, sau đó điều chỉnh thành 19 tiêu chí cho phù hợp với Bộ tiêu chí quốc gia.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII (tháng 10-2010) đã đề ra mục tiêu phương hướng đến năm 2020, Thái Bình trở thành tỉnh nông thôn mới, có nền nông nghiệp và công nghiệp theo hướng hiện đại và mục tiêu đến năm 2015 có 20% số xã trở lên hoàn thành xây dựng nông thôn mới. Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết về “Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020”, trong đó đề ra mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể đến năm 2015, phấn đấu tất cả các xã đạt 10 tiêu chí trở lên, trong đó, 70 xã trở lên hoàn thành xây dựng nông thôn mới, trong đó 8 xã làm điểm của tỉnh hoàn thành vào năm 2013. Đến năm 2020, các xã còn lại đạt 15 tiêu chí trở lên, 6 huyện trở lên đạt tiêu chí nông thôn mới.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng Đề án “Xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Bình giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020”; thành lập Ban

chi





đạo các cấp và các tiểu ban thuộc Ban chỉ đạo tỉnh. Chỉ đạo các xã căn cứ 19 tiêu chí để rà soát, đánh giá đúng thực trạng nông thôn; triển khai xây dựng quy hoạch nông thôn mới, trọng tâm là quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, công khai quy hoạch, đề án, tổ chức lấy ý kiến nhân dân trước khi phê duyệt. Tỉnh đã ban hành quy định: “Một số cơ chế chính sách hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015”; đồng thời ban hành và chỉ đạo thực hiện các đề án phát triển sản xuất, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo cán bộ xã... Bố trí nguồn lực tập trung đầu tư phát triển sản xuất và xây dựng, nâng cấp các công trình, hạng mục công trình dân sinh cấp thiết; lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia cho xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh vận động nhân dân đóng góp công sức, tiền của, đất đai và vận động doanh nghiệp tham gia đóng góp.

Phát huy dân chủ với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, nhất là trong quản lý, sử dụng các nguồn lực và đầu tư xây dựng cơ bản.

Kết quả bước đầu đạt được: Làm điểm ở 8 xã trên địa bàn toàn tỉnh, được sự lãnh đạo, chỉ đạo và quan tâm của Trung ương, sự giúp đỡ của cơ quan cấp trên cùng với nỗ lực phấn đấu toàn đảng, toàn dân, tỉnh Thái Bình đạt một số kết quả ban đầu: các cấp, các ngành, đoàn thể, các tầng lớp nhân dân đồng tình, phấn khởi tham gia, vừa là trách nhiệm, vừa là nghĩa vụ xây dựng nông thôn mới. Đến nay, tất cả các xã đã hoàn thành việc lập, phê duyệt quy hoạch chung, trong đó 57 xã hoàn thành quy hoạch chi tiết giao thông, thủy lợi nội đồng; toàn bộ các xã đã cơ bản hoàn thành việc dồn điền, đổi thửa gắn với chỉnh trang đồng ruộng; các hộ nông dân tự nguyện góp khoảng 1.500 ha đất để xây dựng kênh mương, bờ vùng, bờ thửa, đường giao thông nội đồng. Hỗ trợ của tỉnh 50% giá máy sản xuất trong nước, toàn tỉnh đã mua hơn 700 máy gặt đập liên hợp, gần 500 máy làm đất cỡ trung và lớn, hàng trăm máy gieo các loại cùng hàng nghìn công cụ gieo sạ lúa; xây dựng hàng 100 kho lạnh bảo quản nông sản. Sản xuất nông nghiệp đã được cơ giới hóa hầu

hết các khâu công tác. Nguồn vốn đầu tư gần





2.500 tỉ đồng gồm: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và vốn tín dụng ưu đãi, vốn doanh nghiệp đầu tư, nhân dân đóng góp ngày công, vật tư và hiến đất. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng thôn mới đã và đang trở thành phong trào thi đua, xuất hiện một số tập thể, cá nhân điển hình, tiên tiến sẽ nhân rộng toàn tỉnh.

Tuy nhiên, còn một số tồn tại: sự nhận thức chưa đầy đủ về xây dựng nông thôn mới với vai trò chủ thể là người dân. Tư tưởng trông chờ, ỷ lại đầu tư của cấp trên, triển khai thực hiện thụ động hoặc nóng vội. Năng lực, trình độ của cán bộ lãnh đạo xã, thôn còn hạn chế. Vốn xây dựng nông thôn mới rất lớn, nhưng đầu tư từ ngân sách không lớn, đóng góp của nhân dân có hạn, huy động các nguồn vốn chưa nhiều. Tư tưởng sản xuất nhỏ còn nặng nề. Sản xuất nông nghiệp mang lợi nhuận thấp, rủi ro cao.

Bài học kinh nghiệm rút ra: Về công tác tư tưởng giữ vai trò quan trọng hàng đầu, nhận thức sâu sắc, đầy đủ về xây dựng nông thôn mới cần được nâng cao, coi là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa có ý nghĩa chiến lược lâu dài; là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, cần thực hiện đồng bộ trên cơ sở kế thừa và phát triển, bước đi vững chắc, lộ trình phù hợp, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong đó, người dân ở nông thôn là chủ thể trực tiếp. Công tác quy hoạch nông thôn mới phải đi trước một bước, phải bảo đảm tính lâu dài, bền vững, kế thừa những yếu tố hợp lý, cảnh quan, nét đặc trưng văn hóa của từng địa phương, quy trình phải công khai, dân chủ, có sự tham gia thảo luận của nhân dân. Ưu tiên thực hiện các tiêu chí phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập cho nhân dân và các nội dung cần ít vốn đầu tư. Xây dựng kết cấu hạ tầng theo phương châm là từ ngoài đồng vào trong làng; từ ngõ xóm lên trung tâm xã. Kiểm tra, đôn đốc, thường xuyên uốn nắn những lệch lạc của cơ sở trong quá trình triển khai xây dựng liên tục của các cấp ủy đảng, chính quyền. Quan tâm xây dựng tổ chức cơ sở đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ



cán bộ, trước hết là đội ngũ cán bộ lãnh đạo xã có trình độ, năng lực, đủ sức tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

1.2.3. Bài học kinh nghiệm rút ra cho việc xây dựng và phát triển nông thôn mới tại Huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

Từ những thành quả mà các địa phương bạn đã đạt được, có thể thấy rõ đó cũng là những kinh nghiệm thực tế rất quý báu cho tỉnh Thái Nguyên nói chung và huyện Phú Lương nói riêng, một số những kinh nghiệm được rút ra cho xây dựng nông thôn mới ở Huyện Phú Lương là:

Một là: Tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát, tổ chức thực hiện

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, đẩy mạnh việc kiểm tra đôn đốc, hướng dẫn thực hiện Chương trình. Phân công cụ thể nhiệm vụ, phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đơn vị và cá nhân trong việc quản lý, chỉ đạo, triển khai thực hiện. Thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong việc thực hiện Chương trình. Xây dựng kế hoạch tháng, quý, năm để tổ chức thực hiện những nhiệm vụ cụ thể, hoàn thành các tiêu chí đã đăng ký.

Hai là: Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động

Tăng cường và đổi mới các hình thức tuyên truyền, tiếp tục nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình, gắn với đẩy mạnh phong trào thi đua “Phú Lương chung sức xây dựng nông thôn mới” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, phát huy vai trò tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, người có uy tín trong cộng đồng, tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn thể xã hội tham gia xây dựng nông thôn mới. Phổ biến rộng rãi các mô hình có hiệu quả, cách làm sáng tạo; kịp thời biểu dương các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến; tiếp tục chia sẻ kinh nghiệm và nhân rộng mô hình xã đạt nông thôn mới.



Ba là: Huy động đa dạng các nguồn lực

Tích cực huy động mọi nguồn lực để thực hiện Chương trình; thực hiện tốt việc lồng ghép nguồn vốn với các chương trình, dự án khác để phát huy hiệu quả nguồn vốn. Phát huy tối đa nội lực của địa phương và của người dân, huy động nhiều hơn nữa sự đóng góp từ các công ty, doanh nghiệp, dự án, con em đi xa... Mức đóng góp phải được người dân bàn bạc, thống nhất, xem xét miễn giảm cho các đối tượng ưu tiên và thông qua HĐND - UBND xã.

Bốn là: Đẩy mạnh công tác phát triển sản xuất nông nghiệp, đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Thực hiện xây dựng nông thôn mới gắn với đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất bảo quản và chế biến nông sản. Tập trung giải quyết thị trường đầu ra cho nông sản để thúc đẩy sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân.

Tập trung phát triển, đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất cho phù hợp, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế HTX, THT; có cơ chế khuyến khích mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, HTX đầu tư phát triển vào nông nghiệp, thúc đẩy kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại và gia trại phát triển.

Mở rộng, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; kế hoạch dạy nghề phải xuất phát từ nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và xã hội; chú trọng cho người lao động vận dụng tốt kiến thức được học vào thực tế sản xuất.

Năm là: Thực hiện các công tác khác

- Tiếp tục thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, vận động hiến đất, hiến tài sản để đẩy mạnh xây dựng đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, kiên cố hóa kênh mương và xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng khác...

- Tăng cường chỉnh trang khu dân cư, vận động, hướng dẫn người



dân tu sửa nhà cửa, công trình phụ, hàng rào...Đẩy mạnh công tác vệ sinh môi



trường thôn xóm, xây dựng hệ thống quản lý vệ sinh môi trường tại cơ sở, bảo đảm cảnh quan môi trường nông thôn xanh - sạch - đẹp - văn minh.

- củng cố cơ cấu tổ chức và quy chế hoạt động của BCD, BQL chương trình các cấp, phân công trách nhiệm cho từng phòng, ban, đơn vị liên quan phụ trách các tiêu chí theo lĩnh vực quản lý. Tăng cường phối hợp giữa các Phòng, ban chức năng, BCD, BQL các xã với BCD huyện trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch Chương trình.



Chương 2

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Câu hỏi nghiên cứu

Một là, thực trạng xây dựng và phát triển NTM Huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên là như thế nào?

Hai là, các yếu tố nào ảnh hưởng đến xây dựng và phát triển NTM ở cấp địa phương?

Ba là, kết quả và những hạn chế trong xây dựng và phát triển NTM ở Huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên?

Bốn là, giải pháp xây dựng và phát triển NTM ở Huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đạt hiệu quả cao nhất?

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Số liệu thứ cấp

Số liệu thứ cấp được thu thập từ các nguồn thích hợp như: Cục Thống kê, sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Ban chỉ đạo chương trình xây dựng NTM tỉnh Thái Nguyên, UBND huyện Phú Lương, các xã và các tổ chức đoàn thể xã hội.

Các thông tin về văn bản, chính sách của Nhà nước và của địa phương được tác giả thu thập thông qua các các trang Website của các bộ, ngành hoặc cổng thông tin điện tử của tỉnh. Các thông tin về địa bàn nghiên cứu như: Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của tỉnh Thái Nguyên và các huyện được chọn để khảo sát, được tác giả tra cứu trên niên giám thống kê của các huyện, niên giám thống kê của tỉnh Thái Nguyên.

2.2.2. Số liệu sơ cấp

Tiến hành chọn mẫu phỏng vấn: Việc xác định mẫu điều tra là bước rất quan trọng nó liên quan trực tiếp tới độ chính xác của kết quả nghiên cứu. Do đó chọn hộ phỏng vấn mang tính đại diện cao cho vùng nghiên cứu.

Xác định số lượng hộ phỏng vấn: để xác định số lượng đơn vị của tổng thể mẫu cần phải cho trước phạm vi sai số chọn mẫu và xác suất khi suy rộng tài liệu (khi nghiên cứu các hiện tượng kinh tế - xã hội, thường lấy xác suất

0,9544):





Số hộ cần được chọn phỏng vấn (theo cách chọn lậ) cần phải phỏng vấn là xác định số hộ điều tra.

Để xác định số lượng hộ điều tra, sử dụng công thức sau:

$$n = \frac{t^2 \sigma^2}{\Delta^2}$$

Trong đó: + Δ : Phạm vi của sai số chọn mẫu chênh lệch giữa bình quân mẫu và bình quân tổng thể hay là sai số hoặc là độ chính xác

+ n: Là số lượng cần phải phỏng vấn

+ t: Giá trị kiểm định ($t=1,9544$ với $\alpha = 0,05$)

+ σ^2 : Phương sai của tổng thể chung

Sau khi tính toán thì số hộ cần phải điều tra là 150 hộ (mỗi hộ là một tập phiếu) trong 5 xã của huyện, chọn hộ đại diện cho các hộ trong vùng, với số lượng hộ đảm bảo tính đại diện, là phương pháp chọn mẫu phi ngẫu nhiên. Các phiếu phỏng vấn xây dựng sẵn, phân chia theo các đối tượng trên cho mỗi xã 30 phiếu. Mục đích tìm hiểu chi tiết các vấn đề liên quan đến huy động nguồn lực cộng đồng về xây dựng NTM, như sau:

Bảng 2.1. Số lượng mẫu phỏng vấn

ĐVT: Hộ

TT	Danh mục	Yên Lạc	Cổ Lũng	Phấn Mễ	Tức Tranh	Ôn Lương
1	Ban QLDA	2	2	2	2	2
2	Đoàn thể xã hội	5	5	5	5	5
3	Lãnh đạo, chính quyền xã	10	10	10	10	10
4	Lãnh đạo, chính quyền xóm	10	10	10	10	10
5	Người dân	3	3	3	3	3
	Tổng	30	30	30	30	30

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Tổng cộng 150 phiếu phỏng vấn cho 5 xã điểm.



2.2.3. Phương pháp tổng hợp thông tin

Các số liệu sau khi thu thập được tổng hợp theo mục đích nghiên cứu, theo từng nội dung cần phân tích bằng chương trình Excel. Đối với những thông tin là số liệu định lượng thì tiến hành tổng hợp tính toán như giá trị tuyệt đối, tương đối, số trung bình và thành lập bảng số, đồ thị để biểu diễn kết quả tổng hợp.

2.2.4. Phương pháp phân tích thông tin

Phân tích các ý kiến đánh giá của cán bộ địa phương về các nội dung liên quan đến huy động nguồn lực của cộng đồng để xây dựng và phát triển NTM.

2.2.4.1. Phương pháp so sánh

Nhằm tìm ra những yếu tố thuận lợi, khó khăn, hạn chế và vướng mắc cần tháo gỡ trong quá trình vận dụng các tiêu chí.

Sử dụng giá trị tuyệt đối; giá trị tương đối (%); giá trị bình quân...

2.2.4.2. Phương pháp phân tích theo dãy số thời gian

Sử dụng dãy số thời gian từ 1- 5 năm, từ đó xác định sự biến động của các chỉ tiêu trong xây dựng và phát triển NTM trên cơ sở các chỉ tiêu về tốc độ phát triển bình quân, tốc độ tăng trưởng bình quân, lượng tăng (giảm) tuyệt đối, tương đối...

2.3. Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu

- Đề tài sử dụng một số chỉ tiêu để phân tích như sau:

2.3.1. Chỉ tiêu về quy hoạch xây dựng nông thôn mới

- Các đồ án quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.
- Quy hoạch đất và hạ tầng thiết yếu cho sản xuất nông nghiệp hàng hóa, phát triển công nghiệp dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp.
- Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng xã hội: Bao gồm các công trình QH chi tiết khu trung tâm xã, trạm y tế, trường học, trung tâm văn hóa - thể thao, thương mại, dịch vụ, khu dân cư tập trung.
- Công tác công bố và cắm mốc quy hoạch.



2.3.2. *Chỉ tiêu phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn*

- Tiêu chí Giao thông: Tổng hợp kết quả thực hiện tiêu chí giao thông (đường giao thông nông thôn, đường trục xã, liên xã, đường trục xóm...)
- Tiêu chí Thủy lợi: Hệ thống kênh mương được kiên cố hóa...
- Tiêu chí Điện: Tổng hợp kết quả thực hiện tiêu chí điện.
- Tiêu chí Trường học: Tổng hợp tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS, có cơ sở vật chất đạt chuẩn Quốc gia qua các năm.
- Tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa: Tổng hợp kết quả thực hiện tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa (nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).
- Tiêu chí Chợ: Tổng hợp kết quả thực hiện tiêu chí chợ.
- Tiêu chí Nhà ở dân cư: Tổng hợp kết quả thực hiện tiêu chí nhà ở dân cư.
- Tiêu chí Bưu điện: Tổng hợp kết quả thực hiện tiêu chí Bưu điện.

2.3.3. *Chỉ tiêu về đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân*

- Tiêu chí thu nhập: Xã được công nhận đạt tiêu chí thu nhập khi có mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã đạt (theo giai đoạn):

+ *Công thức chung tính thu nhập của hộ:*

$$\text{Thu nhập trong năm của hộ} = \frac{\text{Tổng thu trong năm của hộ}}{\text{Tổng chi phí tương ứng với tổng thu trong năm của hộ}}$$

+ *Thu nhập bình quân nhân khẩu/năm của xã. Công thức tính như sau:*

$$\text{Thu nhập bình quân nhân khẩu của xã năm N (triệu đồng)} = \frac{\text{Tổng thu nhập năm N của tất cả các hộ gia đình trong xã (triệu đồng)}}{\text{Số NK trung bình của xã năm N (người)}}$$

- Tiêu chí Hộ nghèo: Xã được công nhận đạt tiêu chí hộ nghèo khi có tỷ lệ hộ nghèo của xã ở dưới mức tối thiểu theo quy định của vùng (*dưới 10%*).
- Tiêu chí Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên:



+ *Lao động có việc làm thường xuyên của xã: là lao động của xã có*



tổng thời gian làm việc tạo ra thu nhập bình quân từ 20 ngày/tháng/năm trở lên không phân biệt làm việc trong hay ngoài địa giới hành chính của xã.

+ *Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên năm N của xã: là chỉ tiêu được tính bằng cách lấy số lao động có việc làm thường xuyên trong năm có đến ngày 31/12 năm N của xã chia (:) cho tổng số lao động của xã có đến ngày 31 tháng 12 năm N của xã. Phương pháp tính như sau:*

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ lao động có việc} \\ \text{làm thường xuyên năm} \\ \text{N của xã (\%)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Số lao động có việc làm thường} \\ \text{xuyên năm N của xã (người)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lao động của xã có đến ngày} \\ \text{31 tháng 12 năm N (người)} \end{array}} \times 100$$

- Tiêu chí Hình thức tổ chức sản xuất: Xã được công nhận đạt tiêu chí về hình thức tổ chức sản xuất khi đáp ứng đủ 2 yêu cầu sau:

Có tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc doanh nghiệp hoạt động đạt hiệu quả, đúng luật có liên kết với các thành phần kinh tế trong sản xuất kinh doanh.

+ *Tổng hợp thực trạng HTX*

+ *Tổng hợp thực trạng về THT*

+ *Tổng hợp thực trạng về doanh nghiệp*

2.3.4. Chỉ tiêu về Văn hóa - Xã hội - Môi trường nông thôn

- Tiêu chí Giáo dục:

+ *Phổ cập giáo dục trung học cơ sở theo đúng tiêu chuẩn quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

+ *Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề). Phương pháp xác định:*

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ học sinh tốt} \\ \text{nghiệp THCS} \\ \text{được tiếp tục học} \\ \text{bậc trung học} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Số học sinh tốt nghiệp THCS của xã đã và đang} \\ \text{được tiếp tục học bậc trung học tại các trường phổ} \\ \text{thông trung học, bổ túc văn hóa và học nghề} \end{array}}{\text{Tổng số học sinh của xã đã tốt nghiệp THCS}} \times 100\%$$

+ *Tỷ lệ lao động qua đào tạo: Phương pháp xác định:*



$$\text{Tỷ lệ lao động qua đào tạo} = \frac{\text{Lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học}}{\text{Tổng số lao động trong độ tuổi}} \times 100\%$$

- Tiêu chí Y tế:

+ *Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế. Phương pháp tính*

$$\text{Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế} = \frac{\text{Số người dân trong xã có thẻ bảo hiểm y tế còn hiệu lực}}{\text{Tổng dân số của xã}} \times 100\%$$

+ *Y tế xã đạt chuẩn quốc gia: Trạm xá xã đạt chuẩn quốc gia khi đạt các chỉ tiêu theo quy định của Bộ Trưởng Bộ y tế.*

- Tiêu chí Văn hóa: Xã có từ 70% số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy chế công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.

- Tiêu chí Môi trường: Xã được công nhận tiêu chí môi trường khi đạt được 05 yêu cầu:

- + *Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 70%*
- + *90% cơ sở sản xuất - kinh doanh trên địa bàn đạt chuẩn về môi trường (10% còn lại tuy có vi phạm nhưng đang khắc phục)*
- + *Đường làng, ngõ, xóm, cảnh quan từng hộ xanh - sạch - đẹp*
- + *Nghĩa trang có quy hoạch và quản lý theo quy hoạch*
- + *Chất thải, nước thải ở khu dân cư được thu gom và xử lý theo quy định*

2.3.5. Chỉ tiêu về hệ thống tổ chức chính trị an ninh xã hội

- Tiêu chí về hệ thống tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh: Xã đạt tiêu chí về hệ thống tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh khi đáp ứng đủ 04 yêu cầu (theo các giai đoạn):

- + *Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.*
- + *Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh” theo quy định*

của Ban Tổ chức Trung ương .





+ Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội được công nhận đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.

- Tiêu chí An ninh, trật tự xã hội: Xã đạt tiêu chí về “An ninh trật tự xã hội được giữ vững” khi đạt 04 yêu cầu:

+ Không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại mục tiêu kinh tế – xã hội – an ninh – quốc phòng; truyền đạo trái pháp luật, khiếu kiện đông người kéo dài.

+ Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội trên địa bàn.

+ Trên 70% số xóm được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

+ Hàng năm Công an xã đạt danh hiệu đơn vị tiên tiến trở lên.

+ Một số phương pháp tính chỉ tiêu như sau:

Tỷ lệ lao động qua đào tạo	=	$\frac{\text{Lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề,trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học}}{\text{Tổng số lao động trong độ tuổi}} \times 100$
Tỷ lệ HS tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học	=	$\frac{\text{Số học sinh tốt nghiệp THCS của xã đãvà đang được tiếp tục học bậc trung học tạicác trường PTTH, bổ túc văn hóa và họcnghề}}{\text{Tổng số HS của xã đã tốt nghiệp THCS}} \times 100$
Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	=	$\frac{\text{Số người có thẻ bảo hiểm y tế}}{\text{Tổng dân số của xã}} \times 100$



Chương 3

NỘI DUNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MỚI Ở HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

3.1. Điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội chung toàn huyện

3.1.1. Các đặc điểm về điều kiện tự nhiên

3.1.1.1. Vị trí địa lý

Là một huyện miền núi nằm phía Bắc tỉnh Thái Nguyên. Phía Đông Bắc giáp huyện Chợ Mới (Bắc Kạn), phía Nam và Đông Nam giáp thành phố Thái Nguyên, phía Bắc và Tây Bắc giáp với huyện Định Hóa, phía Đông giáp huyện Đồng Hỷ, phía Tây và Tây Nam giáp với huyện Đại Từ. Thị trấn Du là trung tâm huyện, cách Thành phố Thái Nguyên khoảng 23 km. Huyện bao gồm 16 đơn vị hành chính, có 14 xã, hai thị trấn: Du và Giang Tiên.

3.1.1.2. Diện tích tự nhiên và đặc điểm địa hình

Theo số liệu thống kê của huyện cho thấy tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện là 36.894,65 ha (năm 2019), trong đó đất nông nghiệp 30.536,25 ha chiếm tỷ lệ 82,77%, đất trồng cây hàng năm là 5.801,54 ha, đất trồng cây lâu năm là 6.658,61 ha, đất lâm nghiệp 17.242,74 ha, đất nuôi trồng thủy sản 833,36 ha; đất phi nông nghiệp 5.742,36 ha; đất chưa sử dụng 616,04 ha; đất tự nhiên bình quân đầu người là 0,35 ha; đất nông nghiệp bình quân 1,12 ha/hộ; đất nông nghiệp bình quân 0,29 ha/khẩu. Đất nông nghiệp bình quân của hộ giảm từ 1,12 ha (năm 2018) xuống còn 1,09 ha (quý II năm 2019) là do dành diện tích cho một số nơi đã hình thành các cơ sở công nghiệp, dịch vụ.

3.1.1.3. Khí hậu, thủy văn

Là huyện nằm trong vùng khí hậu rõ nét nhiệt đới ẩm gió mùa, chia thành hai mùa, mùa nóng ẩm và mùa đông khô hạn. Nhiệt độ trung bình từ 10 - 18⁰C, có thời điểm xuống 4- 5⁰. Lượng mưa tập trung vào các tháng 6,7,8,9. Độ ẩm không khí vào mùa mưa trung bình từ 80% - 85%, mùa khô từ 12 - 18%.



Là một huyện có mạng lưới sông, suối, ao hồ tương đối đa dạng. Sông Cầu được chảy từ đầu nguồn tỉnh Bắc Kạn qua các xã và thị trấn: Yên Đỗ, Vô Tranh, Thị trấn Đu, Phấn Mễ, Thị trấn Giang Tiên và Cổ Lũng, đây là nguồn nước tưới tiêu chủ yếu của huyện. Ngoài ra còn có các dòng suối và ao hồ khác nhau. Về mùa mưa do điều kiện nóng ẩm đã tạo điều kiện cho phát triển sản xuất nông nghiệp, nhưng cũng tạo ra những trận lụt gây thiệt hại nhiều mặt đối với đời sống và sản xuất của nhân dân. Mùa khô thường thiếu nước, không đủ nước để chăm sóc cây trồng do lượng mưa ít và rừng đầu nguồn bị tàn phá, khả năng tích thủy và sinh thủy kém.

3.1.1.4. Các nguồn tài nguyên

- Về đất: Theo số liệu thống kê của huyện năm 2019, toàn huyện có 4 nhóm chính gồm: đất phù sa, đất đen, đất xám bạc màu, đất đỏ. Có 5 mức so với tổng quỹ đất như sau: Từ 0 - 8⁰ chiếm 7% tổng quỹ đất; lớn hơn 8 - 15⁰ chiếm 12%; lớn hơn 15 - 25% chiếm 11%; lớn hơn 25⁰ chiếm 50%; còn lại các loại khác là 20%.

- Tài nguyên nước: Nguồn nước tưới của huyện tương đối phong phú, so với các huyện khác, tuy nhiên sự phân bố không đồng đều.

- Tài nguyên rừng, động thực vật: Do mang tính chất khí hậu nhiệt đới ẩm nên động thực vật tương đối phong phú. Rừng nguyên sinh còn rất ít, rừng trồng chiếm tỷ lệ lớn được thực hiện bởi các chương trình trồng rừng 327, PAM, 667.

- Tài nguyên khoáng sản: Huyện có nhiều loại tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là than đá, quặng titan, quặng sắt, chì, kẽm và các loại vật liệu xây dựng như đá, sỏi, cát, tuy vậy chưa được khai thác triệt để, khai thác với quy mô nhỏ, phần lớn ở dạng tiềm năng.

3.1.2. Các đặc điểm về điều kiện kinh tế- xã hội

3.1.2.1. Nhân lực

Phú Lương có tổng số 106.172 người, với 27.282 hộ vào năm 2019. Mật độ dân số 288 người/km² phân bố không đều, mật độ cao nhất là 3.760



người/km² là thị trấn Giang Tiên, thấp nhất là 137 người/km² ở xã Yên Ninh. Nhân khẩu nông nghiệp chiếm 76% với 80.126 người, phi nông nghiệp chiếm 24% với 25.303 người.

3.1.2.2.. Tình hình kinh tế - xã hội

- Về giao thông: Là huyện có lợi thế về giao thông cả đường bộ và đường thủy, quốc lộ 3 chạy dài 38 km qua 8 xã và thị trấn, có hai đầu mối giao thông đi huyện Đại Từ, Định Hóa sang Tuyên Quang. Hệ thống giao thông liên xã, liên thôn tương đối hoàn thiện, chỉ còn một số xóm chưa có đường cho xe cơ giới.

- Về điện: Hầu hết các thôn, xóm có điện lưới quốc gia trong toàn huyện.

- Thủy lợi: Hiện nay mạng lưới thủy lợi chưa hoàn chỉnh, một số công trình xây dựng trước đây đã xuống cấp, cần phải nâng cấp, đồng thời còn nhu cầu lớn về tưới tiêu khi thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Giáo dục: Về cơ bản đã xóa phòng học tạm, đã và đang xây dựng mới kiên cố. Năm 2018, 16 đơn vị hành chính đã được công nhận xóa mù chữ và phổ cập giáo dục theo chuẩn quốc gia. Năm 2019 có 21.593 học sinh, bậc tiểu học có 7.840 học sinh, mầm non 4.562 em, trung học cơ sở có 5.666 em, trung học phổ thông có 3.525 em. Cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học liên tục được tăng cường.

- Về y tế: Hiện nay huyện có một Bệnh viện đặt ở thị trấn Du được xây dựng từ thập niên 80 của thế kỷ trước, nay đã xuống cấp và lạc hậu cả về trang thiết bị y tế, chỉ đáp ứng được khoảng 50% nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân; một phòng khám đa khoa khu vực đặt tại xã Hợp Thành. Tất cả 16 xã và thị trấn đều có trạm y tế. Mạng lưới y tế của huyện đến nay đang được quan tâm, củng cố, kiện toàn. Công tác kế hoạch hóa gia đình, phòng chống dịch bệnh, hoạt động tăng cường đã hạn chế nhiều loại dịch bệnh.

- Từ năm 2018 - 2019, cơ cấu kinh tế của huyện có sự chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ

nhưng không mạnh mẽ; tỷ trọng công nghiệp chiếm 32,27%, nông nghiệp chiếm 40,07%, dịch vụ chiếm 27,06% năm 2012, như vậy tỷ trọng nông nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ cao.

Nhìn chung, các điều kiện tự nhiên, KT-XH của huyện cũng ảnh hưởng khá nhiều tới quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới ở một số các khía cạnh như: việc xây dựng các cơ sở hạ tầng đề phải phụ thuộc vào mùa vụ, vào tháng mùa mưa không thể thi công các công trình xây dựng, dẫn tới tiến độ thi công không thể đảm bảo kế hoạch; để tăng năng suất cây trồng, chuyển đổi mùa vụ gặp khó khăn do thời tiết, khí hậu thay đổi thất thường, độ che phủ rừng thấp, lũ lụt hay xảy ra làm cho đất bạc màu nhanh; địa hình không bằng phẳng để thiết kế cánh đồng mẫu lớn cung cấp sản phẩm hàng hóa tập trung... Từ đó làm cho việc tăng cao thu nhập của người dân, nhất là nông dân còn nhiều khó khăn.

3.1.3. Đánh giá chung về thuận lợi, khó khăn của huyện ảnh hưởng tới xây dựng nông thôn mới

- Thuận lợi: Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp. Các chi bộ đảng đã tổ chức quán triệt nghiêm túc toàn bộ nội dung Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Ban chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Các cấp, các ngành đã tập trung chỉ đạo triển khai và hướng dẫn các xã thực hiện, tạo tiền đề cho việc xây dựng nông thôn mới. Cấp ủy, chính quyền các cấp và nhân dân từ huyện đến cơ sở xác định rõ thực hiện Nghị quyết trên là *một cuộc cách mạng ở nông thôn*, thể hiện sự đồng thuận và quyết tâm cao trong hành động.

- Khó khăn: Do có những biến động về tình hình kinh tế đã ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn vốn của Nhà nước trong đầu tư, trong khi nhu cầu về vốn đầu tư là rất lớn. Kinh tế của huyện với xuất phát điểm thấp. Phần lớn cư dân sống bằng nghề nông, trình độ văn hóa và chuyên môn kỹ thuật còn hạn chế, năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm, giá trị hàng hóa trong sản xuất nông nghiệp không cao, chưa có vùng sản xuất chuyên canh

tập trung,





các cơ sở chế biến nông sản (chè) chủ yếu là thủ công. Xây dựng nông thôn mới là một cuộc cách mạng toàn diện, mọi mặt trong nông thôn, ban đầu sự nhận thức và hiểu biết còn hạn chế, trình độ chuyên môn kỹ thuật và quản lý kinh tế của cán bộ, nhân dân chưa đáp ứng được yêu cầu của chương trình. Đời sống vật chất, tinh thần của nông dân còn nhiều khó khăn nhất là đối với nhân dân thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

3.1.4 Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của các xã điểm trong xây dựng nông thôn mới

3.1.4.1 Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của các xã điểm

Năm xã điểm xây dựng và phát triển nông thôn mới của huyện Phú Lương là các xã trong ba vùng: vùng cao, vùng giữa và vùng thấp, có khác nhau về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 3.1. Đặc điểm chung của 5 xã điểm nghiên cứu sau khi rà soát

STT	Xã điểm	Số dân (người)	Số hộ (hộ)	Số LĐ trong độ tuổi (ld)	Số lao động NN (ld)	Tổng diện tích (ha)	DT đất NN (ha)
1	Phấn Mễ	11.209	2.858	7.442	6.039	2.531	1.842
2	Cổ Lũng	8.835	2.398	4.767	3.665	1.696,9	1.288,3
3	Yên lạc	12.490	3.738	7.525	2.696	1.682	965
4	Tức Tranh	8.766	2.282	5.283	3.798	2.559,3	2.265,9
5	Ôn Lương	3.444	886	2.208	1.684	1.723,9	1.603,6
Tổng		44.744	12.162	27.225	17.882	10.191	7.963

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Báo cáo của các xã sau khi rà soát năm 2019



a) Xã Yên Lạc

Là xã nằm phía nam của huyện, theo thống kê năm 2019, dân số có tới 12.490 người, với 3.738 hộ, là xã có số dân đông nhất trong 5 xã điểm xây dựng nông thôn mới. Toàn xã có 19 xóm với 5 dân tộc cùng chung sống là Kinh, Sán Dìu, Tày, Nùng, Cao Lan. Tỷ lệ nghèo còn 12,1%, thu nhập bình quân đạt 11,4 triệu đồng/người/năm. Lực lượng lao động dồi dào với lao động trong độ tuổi có 7.525 người, chiếm tỷ lệ 60,24% so với dân số. Tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 28% tổng số lao động. Có 1.333 hộ nông nghiệp chiếm 35,7% tổng số hộ. Có 8 trường học với 3 trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó 2 trường mầm non, 3 trường tiểu học, 2 trường THCS, 01 trường PTTH. Nhà ở có 1.350/3.337 nhà kiên cố chiếm 40,45%; nhà bán kiên cố 1.966/3337 chiếm 58,9%; 21 nhà tạm chiếm 0,06%. Tổng số đường giao thông liên xã, liên thôn, xóm của xã có chiều dài 127,9 km, trong đó đã cứng hóa 29,3 km chiếm 22,9%. Kênh mương có 17 km, đã kiên cố hóa 9,06 km. Toàn xã có 4 hồ chứa nước có khả năng cấp nước cho 85,8 ha. 100% số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia. Hiện tại xã có 2 chợ nông thôn: chợ Góc Bàng được kiên cố và chợ Cao Sơn đã xuống cấp, cần được nâng cấp. Xã có 01 trạm y tế với diện tích 600 m² đã xuống cấp và có 01 trạm y tế thuộc mỏ than Khánh Hòa.

b) Xã Phấn Mễ

Là xã mang đặc điểm của địa hình vùng trung du miền núi, có địa hình bán sơn địa, dốc dần từ phía tây bắc sang đông nam, phía tây có đồi núi cao, phía đông là những đồi thấp xen kẽ những khu vực bằng phẳng. Đất đai chủ yếu sử dụng vào sản xuất nông - lâm nghiệp. Khí hậu mang nhiệt đới gió mùa, mùa nóng mưa nhiều vào tháng 4 đến tháng 10, mùa khô lạnh từ tháng 11 đến tháng 3, thường có gió mùa đông bắc tràn về, nhiệt độ hạ thấp, giá rét. Nhiệt độ trung bình năm là 22°C, các tháng 6,7,8 nóng nhất, nhiệt độ đạt tới



29⁰C, nhiệt độ tuyệt đối là 38⁰C, thấp nhất vào tháng 01 khoảng 3⁰C, biên độ nhiệt ngày đêm từ 7 - 10⁰ C. Lượng mưa vào mùa mưa chiếm khoảng 90% lượng mưa cả năm. Độ ẩm không khí dao động từ 80 - 83%.

Về hiện trạng kinh tế - xã hội: Dân số của xã 11.209 người, có 7 dân tộc cùng chung sống, với 26 thôn, xóm. Hộ nghèo vẫn còn 348 hộ chiếm 12,17%. Thu nhập bình quân 16 triệu đồng/người/năm. Cơ cấu thu nhập từ sản xuất nông nghiệp chiếm 66,87%; từ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp 8,35%; từ dịch vụ thương mại 24,78%. Số hộ làm nông nghiệp chiếm 74,87%; hộ làm dịch vụ thương mại chiếm 21,58%; hộ phi nông nghiệp chiếm 3,55%. Tổng số lao động 7.442 người, lao động nông nghiệp chiếm 81,3%; lao động dịch vụ - thương mại chiếm 14,2%; lao động khác 4,5%. Tuy số lao động rất lớn nhưng được đào tạo với tỷ lệ rất thấp ở các bậc học khác nhau: hết tiểu học chiếm 30%; hết THCS chiếm 45%; tốt nghiệp THPT chỉ có 15% và tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp chỉ chiếm 5%. Tổng diện tích đất 2.531 ha, trong đó đất nông nghiệp chiếm 73%; đất phi nông nghiệp chiếm 21%; đất mặt nước chiếm 5%; đất chưa sử dụng chiếm 1%. Hiện trạng về giao thông: có 5,0 km đường nhựa, 12 km đường cấp phối, còn lại là đường đất có tới 64,5 km là đường trục thôn, xóm. Đường giao thông nội đồng cũng là đường đất có 2,2 km. Tổng số 14.100 mét kênh mương chưa cứng hóa. Hiện nay, đã cứng hóa kênh mương với chiều dài 9.388 mét, những kênh mương này xuống cấp rất nhanh cần ưu tiên cải tạo, nâng cấp. Về thoát nước và vệ sinh môi trường: toàn xã chưa có hệ thống thoát nước và bãi chôn lấp rác thải, hiện nay chỉ có 01 khu chứa rác lộ thiên với diện tích 0,27 ha. Nghĩa trang liệt sỹ được xây cất cẩn thận với diện tích 1.080 m². Toàn xã có 20 nghĩa trang nhân dân với tổng diện tích 12,48 ha, các nghĩa trang này theo từng thôn có cự ly rất gần khu dân cư từ 150 mét tới 400 mét, có 2 nơi lớn nhất là nghĩa trang xóm Bò 1 và xóm Bò 2 với diện tích 4,2 ha. Khu làm việc UBND và HĐND đã xây dựng từ lâu đang xuống cấp. Nhà trẻ và mầm non



mới xây gần đây còn khá tốt. Trạm y tế xã mới được đầu tư xây dựng mới. Toàn bộ 26 thôn xóm đều có nhà văn hóa nhưng chất lượng công trình đang bị xuống cấp cần cải tạo. Nhà ở dân cư chiếm tới 2.612 hộ là nhà cấp 4, nhà tranh tre, nứa lá còn 200 hộ. Hiện nay trên xã có một dự án khai thác khoáng sản do HTX vận tải Chiến Công đang triển khai.

Nhìn chung, Phấn Mễ vẫn là một xã sản xuất và thu nhập từ nông nghiệp là chủ yếu.

c) Xã Ôn Lương

Ôn Lương là xã vùng sâu, vùng khó khăn của huyện Phú Lương, cách trung tâm huyện 10 km. Phía đông giáp xã Yên Đỗ, phía tây giáp xã Bộc Nhiêu huyện Định Hóa và xã Phúc Lương huyện Đại Từ, phía nam giáp xã Hợp Thành, phía bắc giáp với xã Phú Tiến huyện Định Hóa.

Tổng diện tích đất tự nhiên 1.732,9 ha, có 886 hộ với 3.444 khẩu, có 5 dân tộc cùng chung sống: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Chí, dân tộc Kinh chiếm 10%; dân tộc Tày chiếm 85%, còn lại là dân tộc khác. Nhìn chung mật độ dân cư thưa. Sau khi tiến hành rà soát năm 2019 cho thấy Ôn Lương có thu nhập bình quân đầu người còn thấp, chỉ đạt 6,7 triệu đồng/người/năm, thu nhập chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp với trình độ canh tác thấp. Đây là xã có tỷ lệ hộ nghèo còn rất cao, với 174 hộ chiếm 18,5% tổng số hộ vào năm 2019.

Về điều kiện tự nhiên: địa hình, khí hậu mang đặc trưng của vùng núi phía bắc. Đồi núi trập trùng, tạo ra những thung lũng và xen kẽ cánh đồng. Khí hậu mang đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa. Diện tích tự nhiên 1.723,9 ha, đất nông nghiệp 1.603,6 ha trong đó đất trồng lúa chỉ có 193,77 ha, đất trồng cây công nghiệp 307,95 ha, đất lâm nghiệp 958 ha có 196,3 ha đất đầu nguồn và 761 ha rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản 96,7 ha. Đất phi nông nghiệp 112,5 ha gồm đất ở có 40,8 ha, đất chuyên dùng 51,97 ha, đất nghĩa trang, nghĩa địa 0,88 ha, đất chưa sử dụng 7,82 ha. Về đất đai nói chung toàn xã rất có lợi thế để phát triển nông, lâm nghiệp.



Lao động trong độ tuổi hiện có 2,208 người, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo chiếm 28%. Cơ cấu lao động: 76,3% nông nghiệp; 10% công nghiệp; xây dựng; 13,7% dịch vụ, thương mại.

Đánh giá chung, Ôn Lương là xã còn có rất khó khăn về nhiều mặt: thu nhập thấp; sản xuất nông lâm nghiệp phân tán, nhỏ lẻ là chủ yếu, vẫn còn một bộ phận dân cư sản xuất tự cung tự cấp, chưa phát huy được tiềm năng về đất đai, lao động của xã; hạ tầng cơ sở và kỹ thuật cần được quan tâm đầu tư xây dựng lớn.

d) Xã Tức Tranh

Là xã nằm ở phía đông huyện Phú Lương, phía đông giáp xã Phú Đô và xã Minh Lập huyện Đồng Hỷ, phía tây giáp xã Phần Mễ, phía nam giáp xã Vô Tranh, phía bắc giáp xã Phú Đô và xã Yên Lạc. Xã Tức Tranh cách quốc lộ 3 là 6 km, cách trung tâm huyện 9 km. Sông Cầu chảy qua phân giới 2 xã: xã Tức Tranh và Minh Lập của Đồng Hỷ. Về khí hậu: Mùa hè nhiệt độ trung bình 30- 37⁰c, mùa đông vào khoảng 11- 18⁰c, mùa khô hạn vào tháng 3 đến tháng 11. Diện tích tự nhiên là 2.559,3 ha, trong đó đất nông nghiệp là 2.265,9 ha có 1.331 ha đất trồng cây nông nghiệp (đất lúa 195 ha, đất trồng chè 1.038,8 ha, cây khác là 74,6 ha); đất lâm nghiệp là 892,3 ha; đất nuôi trồng thủy sản là 41,9 ha; đất phi nông nghiệp 290,28 ha; đất chưa sử dụng là 3,16 ha. Về khoáng sản chỉ có một mỏ đất sét chưa khai thác sử dụng.

Về nhân lực: Toàn xã có 2.282 hộ với 8.766 khẩu (nam 4.376 người, nữ 4.390 người). Lao động trong độ tuổi là 5.283 người (nữ 2.865). Lao động qua đào tạo chiếm 12,4%. Cơ cấu lao động: nông nghiệp 71,9%, công nghiệp - xây dựng 5,2%, dịch vụ - thương mại 22,9%. Hàng năm có khoảng 200 - 250 lao động đi làm ở các doanh nghiệp, cơ quan trong và ngoài tỉnh. Đất đai của xã phù hợp với phát triển cây chè, được xác định là cây mũi nhọn của địa phương. Là xã trung tâm cụm phía đông có điều kiện phát triển cả công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, kinh tế trang trại nhỏ, gia trại, làng



ngành chế biến nông sản. Trường học có 4 trường: trường mầm non có 15 lớp là trường chuẩn quốc gia, trường tiểu học 1 và 2 với 30 lớp, trường THCS có 16 lớp. Về trường học mới chỉ đạt 35% so với tiêu chí. Trụ sở làm việc đã có, còn các phòng làm việc của MTTQ, đoàn thể nhà cấp 4 đã xuống cấp. Xã chưa có nhà văn hóa đa năng, sân thể thao, so sánh với tiêu chí thì chưa đạt. Số nhà văn hóa của 24 xóm, 16 xóm đã có, thiếu 6 nhà cần xây mới. Hiện nay có 01 chợ nằm ở trung tâm xã với diện tích 5.800 m². Có bưu điện văn hóa xã và 6 trạm phát sóng di động. Về nhà ở có 154 nhà dột nát chiếm 6,8%; nhà kiên cố 772 nhà chiếm 33,8%; nhà bán kiên cố 1.356 nhà chiếm 59,4%. Tỷ lệ hộ có công trình vệ sinh sinh hoạt tối thiểu chiếm 73,7%.

Về kinh tế, thu nhập bình quân 12,8 triệu đồng/người/năm, mới chỉ đạt 70% so với tiêu chí. Hộ nghèo 217 hộ chiếm 9,5%. Cơ cấu lao động: nông lâm nghiệp 71,9%; công nghiệp - xây dựng 5,2%; dịch vụ - thương mại 22,9%. Lao động phân theo trình độ văn hóa: tiểu học chiếm 22%; trung học cơ sở (THCS) 47%; trung học phổ thông (THPT) 31%. Lao động phân chia theo trình độ chuyên môn: sơ cấp (3 tháng trở lên) có 8,8%; trung cấp 3,2%; đại học 0,4%; số còn lại không được đào tạo là 87,6%. Về giáo dục xã đạt phổ cập tiểu học, phổ cập trung học đạt 51,3%. Về y tế xã đạt chuẩn quốc gia, có 70,7% người dân tham gia BHYT. Về văn hóa có 18/24 xóm đạt xóm làng văn hóa, có 92,5% hộ đạt gia đình văn hóa. Về môi trường, xã chưa có nơi tập trung thu gom rác thải, đều do dân tự xử lý chôn lấp và đốt. Hiện có 246 /372 cơ sở đạt tiêu chuẩn môi trường. Đến nay toàn xã có 7 nghĩa trang nhân dân tập trung xa khu dân cư. Xã chưa có hệ thống nước sạch phục vụ sinh hoạt của nhân dân. Hệ thống chính trị: có 23 cán bộ công chức đều trình độ văn hóa THPT, về chuyên môn có 7 cao đẳng đại học, 01 trung cấp. Đảng bộ đạt TSVM, UBND hoàn thành xuất sắc, các đoàn thể đều đạt xuất sắc và vững mạnh. An ninh trật tự xã hội nhiều năm ổn định.

Nhìn chung, Túc Tranh là xã có nhiều tiềm năng đã và đang khai thác



có hiệu quả, đời sống dân cư đã được cải thiện nhưng chưa cao, bộ mặt nông thôn bước đầu có sự thay đổi nhưng chậm, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

e) Xã Cổ Lũng

Là xã vùng trung du miền núi nằm trên trục quốc lộ 3 ở phía nam huyện Phú Lương, cách huyện lỵ 11 km, cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 10 km. Phía đông giáp Sơn Cẩm, phía tây giáp xã Cù Vân huyện Đại Từ, phía nam giáp xã An Khánh huyện Đại Từ, phía bắc giáp xã Vô Tranh và thị trấn Giang Tiên. Xã có 4 dân tộc, trong đó dân tộc Kinh chiếm 70%; còn lại là dân tộc Tày, Nùng, Sán Dìu. Địa hình tương đối bằng phẳng, có độ dốc dưới 15° , mang đặc điểm địa hình trung du miền núi bắc bộ, thung lũng xen kẽ đồi núi thấp, thoải dần từ tây xuống phía đông nam. Nằm trong vành đai khí hậu gió mùa, có 2 mùa rõ rệt, mùa mưa nóng ẩm từ tháng 4 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 3. Lượng mưa tập trung vào mùa mưa, trung bình 2.020mm/năm, tập trung vào tháng 7,8, thường kèm theo bão, ngập úng, lũ lụt; độ ẩm trung bình 82%. Cổ Lũng có sông Giang Tiên chảy dọc theo ranh giới phía bắc của xã, là phụ lưu của sông Cầu, hệ thống sông, suối, hồ ao đủ lượng nước cho sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.

Tổng diện tích đất tự nhiên 1.696,9 ha, đất nông nghiệp 1.288,3 ha chiếm 75,9% bao gồm: đất sản xuất nông nghiệp 88,31 ha chiếm 52,17%, đất trồng lúa 380,22 ha, đất trồng cây hàng năm 113,9 ha, đất trồng cây lâu năm 391,1 ha; đất lâm nghiệp là rừng sản xuất 4342,25 ha chiếm 20% diện tích đất tự nhiên; đất nuôi trồng thủy sản có 60,74 ha chiếm 3,9%; đất phi nông nghiệp 408,6 ha gồm: đất ở 83,73 ha chiếm 4,93% diện tích đất tự nhiên, đất chuyên dùng 275,4 ha gồm đất trụ sở cơ quan, đất an ninh, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 39,23 ha; đất tôn giáo 0,47 ha; đất nghĩa trang, nghĩa địa 4,31 ha; đất sông suối và mặt nước 44,78 ha chiếm 2,64%.

Về xã hội, xã có 8.835 khẩu với 2.398 hộ, mật độ dân số 520 người/km², có 18 thôn xóm. Bình quân lương thực 427 kg/người/năm. Một số lĩnh vực sản xuất tiêu thủ công nghiệp phát triển: sản xuất gạch silicat, ngói xi



măng, nghề cơ khí, gò hàn, sửa chữa ô tô và xe máy... Làng nghề bánh trưng Bờ Đậu phát triển tốt. Ngành dịch vụ chuyển biến và tăng trưởng về số lượng cơ sở, đa dạng chủng loại hàng hóa.

Thu nhập bình quân đầu người của xã là 14 triệu đồng/người/năm, bằng 82% so với bình quân chung của tỉnh. Số hộ nghèo là 185 hộ chiếm 7,73%. Có 4.767 lao động trong độ tuổi chiếm 50,1% dân số. Lao động trong nông nghiệp chiếm 76,9%. Hiện nay có 5 trang trại với 20 lao động; 17 doanh nghiệp với 232 lao động; có 6 cơ sở chế biến lâm sản và một làng nghề với 240 lao động; có một HTX kinh doanh tổng hợp với 65 xã viên.

Về hạ tầng kỹ thuật: Giao thông có 5 km quốc lộ 3, quốc lộ 37 dài 2 km đều đã được trải nhựa. Đường liên xã dài 5,5 km đang trong tình trạng xuống cấp. Đường liên thôn xóm với tổng chiều dài 18 km, trong đó có 01 km đã nhựa hóa, còn lại đều là đường đất. Có 30,5 km đường ngõ xóm với 59 tuyến, có 3 tuyến với chiều dài 7,2 km cứng hóa, số còn lại đường đất. Tuyến trục chính nội đồng với chiều dài 18,6 km gồm 36 tuyến chưa cứng hóa. Hệ thống thủy lợi có 5 hồ, đập đảm bảo tưới tiêu cho 85 ha gieo trồng. Có 4 trạm bơm đảm bảo tưới tiêu cho 42 ha gieo trồng. Có 12,45 km kênh mương, đã cứng hóa 4,95 km chiếm 39,8%. Hệ thống điện với 11 trạm biến áp, 100% hộ sử dụng điện lưới quốc gia. Đường điện 0,4 KV tổng chiều dài 62,92 km, có 28,12 km đảm bảo an toàn, còn lại 34,8 km không đạt tiêu chuẩn cần nâng cấp. Toàn xã chưa có nước sạch hợp vệ sinh, dân cư sử dụng nước giếng khoan hợp vệ sinh đạt 62,1% với 1.439 hộ. Hiện nay có 18 nhà văn hóa xóm, 10 nhà đạt yêu cầu, 8 nhà xuống cấp. Xã chưa có nhà văn hóa trung tâm xã, có 01 bưu điện văn hóa xã. Về trường học toàn xã có: 01 trường mầm non, 02 trường tiểu học, 01 trường PHCS, tổng cộng còn thiếu 14 phòng học các loại. Hiện nay xã chưa có chợ trung tâm. Nhà ở dân cư toàn xã có 2.381 nhà kiên cố, bán kiên cố chiếm 99,2%, vẫn còn nhà dột nát. Về giáo dục của xã: 100% trẻ 6 tuổi đi học lớp 1, xã đạt phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù; 33% lao động đã qua đào tạo. Về y tế của xã có 61,4% tham gia BHYT, có 01 trạm xá

với diện tích 1.200m²; chưa có phòng thuốc đông y, có một số phòng chức năng xuống cấp, cần cải tạo. Năm 2011, xã có 78% thôn bản đạt làng văn hóa, với 85,9% hộ đạt gia đình văn hóa. Về VSMT của xã: các cơ sở sản xuất kinh doanh không đạt tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường; không có rãnh thoát nước thải, rác thải chưa thu gom tập trung, chưa có ao, hồ làm cảnh quan, chưa trồng cây xanh và vệ sinh công cộng. Cả xã có 01 nghĩa trang tập trung, 14 nghĩa trang nhân dân nằm trên các thôn với diện tích 42.300m². Về hệ thống chính trị có 28 cán bộ công chức với trình độ văn hóa lớp 7/10 có 6 người, 10/10 có 6 người, 12/12 có 16 người. Trình độ chuyên môn: Đại học 5 người, cao đẳng 3 người, trung cấp 12 người với tổng số 18 đảng viên. Đảng bộ, chính quyền đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh, các tổ chức đoàn thể đạt tiên tiến trở lên.

Bảng 3.2. Một số chỉ tiêu cơ bản của 5 xã điểm nghiên cứu sau khi rà soát

Danh mục	Xã Phấn Mễ	Xã Cổ Lũng	Xã Yên Lạc	Xã Túc Tranh	Xã Ôn Lương
1. Tỷ lệ lao động NN (%)	81,3	76,9	35,8	71,9	76,3
2. Tỷ lệ đất NN (%)	73,0	75,9	57,3	88,5	93,0
3. Thu nhập BQ đầu người (Tr.đ)	16,0	14,0	11,4	12,8	6,7
4. Tỷ lệ hộ nghèo (%)	12,17	7,70	12,1	9,5	18,5

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Báo cáo của các xã sau khi rà soát năm 2019

3.2. Nội dung xây dựng và phát triển nông thôn mới tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

3.2.1. Nội dung xây dựng và phát triển nông thôn mới theo tiêu chí quy hoạch và phát triển quy hoạch

Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới là một chương trình cụ thể hóa Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông



thôn, gồm 11 nội dung. Tuy nhiên để xây dựng và phát triển nông thôn mới cấp Huyện trong thời gian gần đây Chính phủ tập chung vào các nội dung cơ bản sau đây:

Nội dung 2: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, bao gồm: Hoàn thiện đường giao thông đến trụ sở UBND xã và hệ thống giao thông trên địa bàn xã; Hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã; Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao trên địa bàn xã; Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về y tế trên địa bàn xã; Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về giáo dục trên địa bàn xã; Hoàn chỉnh trụ sở xã và các công trình phụ trợ; Cải tạo, xây mới hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã.

Nội dung 3: Chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập, bao gồm: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, có hiệu quả kinh tế cao; Tăng cường công tác khuyến nông; đẩy nhanh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp; Cơ giới hóa nông nghiệp, giảm tổn thất sau thu hoạch trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; Bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống theo phương châm “mỗi làng một sản phẩm”, phát triển ngành nghề theo thế mạnh của địa phương; Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thúc đẩy đưa công nghiệp vào nông thôn, giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn.

Nội dung 6: Phát triển giáo dục và đào tạo tiếp tục thực hiện CTMTQG về giáo dục.

Nội dung 7: Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cư dân nông thôn tiếp tục thực hiện CTMTQG về y tế.

Nội dung 11: Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn, bao gồm: Ban hành nội quy, quy ước làng xóm về trật tự, an ninh, phòng chống tệ nạn xã hội



và các hủ tục lạc hậu; Điều chỉnh và bổ sung chức năng, nhiệm vụ và chính sách tạo điều kiện cho lực lượng an ninh xã, thôn, xóm hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự xã hội.

Bảng 3.3: Tình hình Quy hoạch và thực hiện quy hoạch nông thôn mới

TT	Nội dung của tiêu chí	Yêu cầu	Số xã chưa đạt tiêu chí	Số xã đã đạt tiêu chí	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí
1	Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ	Đạt	0	29	100%
2	Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới	Đạt	0	29	100%
3	Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp	Đạt	0	29	100%

Nguồn: Báo cáo tổng kết 06 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Phú Lương, giai đoạn 2014-2019



Bảng 3.4. Kết quả rà soát, đánh giá hiện trạng XDNTM năm 2019

TT	Danh Mục	Xã Yên Lạc		Xã Cổ Lũng		Xã Phấn Mễ		Xã Tức Tranh		Xã Ôn Lương	
		Đạt	Chưa	Đạt	Chưa	Đạt	Chưa	Đạt	Chưa	Đạt	Chưa
1	Tiêu chí 1: Quy hoạch		CH		CH		CH	X		X	
2	Tiêu chí 2: Giao thông		CH		CH		CH		CH	X	
3	Tiêu chí 3: Thủy lợi	X			CH		CH		CH		CH
4	Tiêu chí 4: Điện	X			CH	X		X		X	
5	Tiêu chí 5: Trường học		CH		CH		CH		CH	X	
6	Tiêu chí 6: CSVN văn hóa		CH		CH		CH		CH		CH
7	Tiêu chí 7: Chợ nông thôn	X			CH	X		X			CH
8	Tiêu chí 8: Bưu điện	X		X		X		X		X	
9	Tiêu chí 9: Nhà ở dân cư		CH		CH		CH		CH		CH
10	Tiêu chí 10: Thu nhập		CH		CH		CH		CH		CH
11	Tiêu chí 11: Hộ nghèo	X		X			CH	X			CH
12	Tiêu chí 12: Cơ cấu lao động	X			CH		CH		CH		CH
13	Tiêu chí 13: Hình thức tổ chức	X		X			CH		CH		CH
14	Tiêu chí 14: Giáo dục	X		X		X			CH	X	
15	Tiêu chí 15: Y tế		CH		CH	X		X		X	
16	Tiêu chí 16: Văn hóa		CH	X			CH	X			CH
17	Tiêu chí 17: Môi trường		CH		CH		CH		CH		CH
18	Tiêu chí 18: Hệ thống tổ chức CTXH vững mạnh		CH	X		X		X		X	
19	Tiêu chí 19: An ninh TTXH		CH		CH	X		X		X	
	Tổng cộng	8	11	6	13	7	12	9	10	10	9

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo của các xã điểm năm 2019

Ghi chú: X là Đạt tiêu chí; CH: Chưa đạt tiêu chí



3.2.2. Nội dung xây dựng và phát triển nông thôn mới theo tiêu chí hạ tầng - kinh tế xã hội

- Đối với phát triển giao thông:

Trong 06 năm (2015-2019) toàn huyện đã đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp được 554 km đường giao thông các loại (215,8 km đường trục xã, liên xã; 338,2 km đường trục xóm, đường ngõ xóm, đường trục chính nội đồng) với tổng kinh phí đầu tư xây dựng là 614.382 triệu đồng, trong đó huy động từ nhân dân đóng góp là 181.300 triệu đồng (chiếm 29,5%) và hàng nghìn ngày công lao động để thực hiện chương trình kiên cố hoá giao thông nông thôn. Đến nay, 100% số xã, thôn có đường ô tô đến trung tâm xã và đến các thôn xóm trong huyện. Tỷ lệ đường nhựa, bê tông chiếm hơn 80%. Tính đến hết năm 2019, có 14/29 xã đạt tiêu chí Giao thông, đạt 48,3%.

Bảng 3.5: Tình hình thực hiện tiêu chí Giao thông

TT	Nội dung của tiêu chí	Yêu cầu	Số xã chưa đạt tiêu chí	Số xã đã đạt tiêu chí	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí
1	Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100%	07	22	75,86%
2	Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	≥50%	10	19	65,52%
3	Tỷ lệ km đường ngõ, xóm được cứng hóa và không lầy lội vào mùa mưa.	100% (≥50 % cứng hoá)	15	14	48,27%
4	Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện	100%	13	16	55,17%

Nguồn: Báo cáo tổng kết 06 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia



xây dựng nông thôn mới huyện Phú Lương, giai đoạn 2015-2019



Tính đến hết năm 2019, nhiều nội dung của tiêu chí giao thông được thực hiện tốt, số xã đạt các nội dung của tiêu chí này đều tăng so với năm 2010 và năm 2011. Riêng chỉ có tiêu chí giao thông nội đồng được cứng hóa xe cơ giới đi lại thuận tiện, tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải còn thấp. Nguyên nhân của sự hạn chế này là do nguyên nhân chủ yếu nguồn vốn đầu tư đòi hỏi tương đối lớn nên trong khoảng thời gian ngắn chưa thể thực hiện.

- Đối với phát triển hệ thống thủy lợi:

Trong những năm qua, với sự đầu tư của Nhà nước và công sức của nhân dân, toàn huyện đã tập trung đầu tư xây mới, cải tạo nâng cấp 71 công trình thủy lợi; xây dựng, cải tạo được 20 km kênh mương, nạo vét, khơi thông dòng chảy các trục tiêu chính với tổng kinh phí là 124.191 triệu đồng. Tính đến hết năm 2016, có 16/29 xã đạt tiêu chí Thủy lợi, tăng 16 xã so với khi bắt đầu triển khai xây dựng NTM năm 2011.

Bảng 3.6: Tình hình thực hiện tiêu chí Thủy lợi

TT	Nội dung của tiêu chí	Yêu cầu	Số xã chưa đạt tiêu chí	Số xã đã đạt tiêu chí	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí
1	Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh	Đạt	29	29	100%
2	Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa	$\geq 50\%$	13	16	55,17%

Nguồn: Báo cáo tổng kết 06 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Phú Lương, giai đoạn 2015-2019

Việc đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống thủy lợi đã góp phần đáp ứng yêu cầu cho sản xuất và dân sinh đạt tỷ lệ cao, trên toàn huyện có 100% số xã đã cơ bản đáp ứng yêu cầu tiêu chí chủ động. Tuy nhiên, huyện



Phú Lương mới có 16 xã đạt tiêu chí thủy lợi (chiếm 55,2%), về nội dung tỷ lệ km kênh mương được kiên cố hóa do xã quản lý, 13 xã chưa đạt tiêu chí này (chiếm 44,8%).

Như vậy chủ yếu các xã mới chỉ đạt tiêu chí hệ thống thủy lợi đáp ứng cho yêu cầu sản xuất và dân sinh nhưng chưa đạt tiêu chí kiên cố hóa kênh mương. Một mặt, do thời gian qua các địa phương chưa quan tâm đầu tư kiên cố hóa kênh mương. Mặt khác, đây cũng là tiêu chí khó thực hiện vì yêu cầu nguồn lực lớn.

- Xây dựng hệ thống điện nông thôn:

Huyện Phú Lương đã chỉ đạo triển khai thực hiện lồng ghép các Chương trình, dự án đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện trên địa bàn huyện như: Dự án điện REII mở rộng, AIVO, dự án nâng cấp đường dây và xây dựng các trạm biến áp chống quá tải của ngành điện... đảm bảo cung cấp điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Qua 06 năm triển khai thực hiện, đã đầu tư xây dựng 25 trạm biến áp, cải tạo, nâng cấp 379 km đường dây tải điện với tổng kinh phí đầu tư là 134.393 triệu đồng. Đến nay 29/29 xã đều đạt tiêu chí Điện.

Bảng 3.7: Tình hình thực hiện tiêu chí về Điện nông thôn

TT	Nội dung của tiêu chí	Yêu cầu	Số xã chưa đạt tiêu chí	Số xã đã đạt tiêu chí	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí
1	Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt	0	29	100%
2	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	$\geq 95\%$	0	29	100%

Nguồn: Báo cáo tổng kết 06 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Phú Lương, giai đoạn 2015-2019 Những năm gần đây, Phú Lương rất quan tâm đến cải tạo hệ thống lưới



điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Do vậy, trong số các tiêu chí về hệ thống kết cấu hạ tầng KT - XH trong chương trình MTQG về xây dựng NTM, huyện Phú Lương hoàn thành tốt tiêu chí về điện. Đến nay, toàn huyện có 29 xã (bằng 100%) đạt tiêu chí điện nông thôn. Trong đó, hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện có 29 xã đạt (bằng 100%) và 95% hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn có 29 xã đạt (bằng 100%).

- *Về phát triển giáo dục và đào tạo:* UBND huyện đã xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển giáo dục huyện Phú Lương. Hệ thống trường lớp học được đầu tư, xây dựng phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập. Trong 06 năm đã đầu tư xây dựng, sửa chữa nâng cấp 41 công trình trường lớp học với tổng kinh phí 151.340 triệu đồng. Tính đến hết năm 2019, tất cả các xã đều đạt tiêu chí Giáo dục và tiêu chí Trường học, đạt 100% mục tiêu Chương trình.

Bảng 3.8: Tình hình thực hiện tiêu chí về Trường học

TT	Nội dung của tiêu chí	Yêu cầu	Số xã chưa đạt tiêu chí	Số xã đã đạt tiêu chí	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí
1	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	$\geq 70\%$	0	29	100%

Nguồn: Báo cáo tổng kết 06 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

xây dựng nông thôn mới huyện Phú lương, giai đoạn 2015-2019

- *Về xây dựng cơ sở vật chất văn hóa:* Trong 6 năm đã triển khai đầu tư xây dựng, nâng cấp 45 công trình nhà văn hóa và khu thể thao các xã với kinh phí 45.450 triệu đồng, xây dựng, nâng cấp 211 công trình nhà văn hóa và khu

thê





thao xóm với kinh phí 20.817 triệu đồng, góp phần thúc đẩy các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể thao phát triển, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Tính đến hết năm 2019, có 10/29 xã (bằng 34,5%) đạt tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa, tăng 10 xã so với năm 2011.

Bảng 3.9: Tình hình thực hiện tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa

TT	Nội dung của tiêu chí	Yêu cầu	Số xã chưa đạt tiêu chí	Số xã đã đạt tiêu chí	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí
1	Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL	Đạt	13	16	55,17%
2	Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ VH-TT-DL	100%	19	10	34,48%

Nguồn: Báo cáo tổng kết 06 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Phú Lương, giai đoạn 2011-2019

Đối với nội dung chỉ tiêu xã có nhà văn hoá và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, toàn huyện có 16 xã (chiếm 55,2%). Đối với nội dung xã có 100% thôn có nhà văn hoá và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ Văn hoá - Thể thao - Du lịch, toàn huyện có 10 xã (chiếm 34,5%). Tuy nhiên, còn 19 xã chưa đạt tiêu chí do 13 xã chưa có nhà văn hoá và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ Văn hoá - Thể thao - Du lịch, 19 xã chưa có 100% số thôn có nhà văn hoá và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ Văn hoá - Thể thao - Du lịch.

- Về đầu tư xây dựng chợ nông thôn:

Thực hiện tiêu chí chợ nông thôn trong chương trình MTQG về xây dựng NTM, với yêu cầu là tất cả các chợ trên địa bàn xã nằm trong quy hoạch phải đạt chuẩn theo quy định của Bộ Công thương. Huyện đã chỉ đạo rà soát chợ nông thôn để tập trung đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các chợ hiện có



nhưng chưa đạt chuẩn cho các xã. Đối với những xã chưa có chợ được tiến hành rà soát quy hoạch, đầu tư xây dựng chợ mới để phục vụ nhu cầu trao đổi hàng hoá, vật tư, sản phẩm của cư dân nông thôn; các chợ liên xã, liên khu vực đã đáp ứng được nhu cầu trao đổi hàng hoá, không nhất thiết mỗi xã phải xây dựng 1 chợ. Trong 06 năm triển khai thực hiện đã đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp 05 Chợ nông thôn với tổng kinh phí là 14.711 triệu đồng. Các hoạt động thương mại - dịch vụ, buôn bán, trao đổi hàng hóa được khuyến khích phát triển. Tính đến hết năm 2019, có 25/29 xã (bằng 86,2%) đạt tiêu chí Chợ nông thôn.

Bảng 3.10: Tình hình thực hiện tiêu chí Chợ nông thôn

TT	Nội dung của tiêu chí	Yêu cầu	Số xã chưa đạt tiêu chí	Số xã đã đạt tiêu chí	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí
1	Chợ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đạt chuẩn	Đạt	04	25	86,2%

Nguồn: Báo cáo tổng kết 06 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Phú Lương, giai đoạn 2015-2019.

- Kết quả thực hiện tiêu chí Bưu điện:

Tiếp tục quan tâm tạo điều kiện cho các công ty, các doanh nghiệp đầu tư phát triển dịch vụ bưu chính, viễn thông. Hiện nay, đã có 06 doanh nghiệp viễn thông đầu tư lắp đặt các trạm viễn thông và phủ sóng trên địa bàn toàn huyện. Hệ thống cáp đường truyền internet, internet không dây đã được đầu tư, phủ sóng đến các xóm trong toàn huyện. Đến nay 29/29 xã đạt tiêu chí Bưu điện, tăng 06 xã so với năm 2011.



Bảng 3.11: Tình hình thực hiện tiêu chí Bưu điện

TT	Nội dung của tiêu chí	Yêu cầu	Số xã chưa đạt tiêu chí	Số xã đã đạt tiêu chí	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí
1	Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông (những xã ở gần bưu điện huyện, phường, thị trấn tính đạt tiêu chí này)	Đạt	0	29	100%
2	Có phủ sóng hoặc mạng để truy cập internet	Đạt	0	29	100%

Nguồn: Báo cáo tổng kết 06 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng thôn mới huyện Phú Lương, giai đoạn 2015-2019.

- Về thực hiện tiêu chí nhà ở dân cư:

Cùng với thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; hỗ trợ người có công với Cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trong những năm qua, Huyện ủy, UBND huyện Phú Lương đã quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt các Chương trình hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết, nhà mái ấm công đoàn... Trong 06 năm triển khai thực hiện, đã có 2.336 hộ gia đình được hỗ trợ xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà ở với tổng kinh phí 41.340 triệu đồng, tạo điều kiện cho nhân dân ổn định cuộc sống. Tính đến hết năm 2019, có 23/29 xã đạt tiêu chí Nhà ở dân cư, bằng 79,3% (năm 2011 mới chỉ có 02 xã đạt tiêu chí này).



Bảng 3.12: Tình hình thực hiện tiêu chí Nhà ở dân cư

TT	Nội dung của tiêu chí	Yêu cầu	Số xã chưa đạt tiêu chí	Số xã đã đạt tiêu chí	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí
1	Không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, dột nát.	Đạt	06	23	79,31%
2	Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng	$\geq 75\%$	0	29	100%

Nguồn: Báo cáo tổng kết 06 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Phú Lương, giai đoạn 2015-2019

3.2.3. Nội dung xây dựng nông thôn mới theo tiêu chí chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập

UBND huyện Phú Lương đã tập trung chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân. Qua 05 năm triển khai thực hiện, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Tính đến hết năm 2019, tỷ trọng cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện là: Công nghiệp - TTCN - Xây dựng 51,8%; Thương mại - Dịch vụ 30,5%; Nông - Lâm nghiệp 17,7%.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, đã tập trung chỉ đạo lập Quy hoạch phát triển cây chè đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch phát triển chăn nuôi đến năm 2020; xây dựng và triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè; Đề án phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm giai; Chương trình sản xuất lương thực. Đồng thời chỉ đạo các xã xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân; đến hết tháng 06/2013 đã có 100% số xã hoàn thành Đề án xây dựng Nông thôn mới và Đề án phát triển sản xuất.



Công tác xây dựng và triển khai các Chương trình, Đề án trong phát triển sản xuất nông nghiệp đã thu được nhiều kết quả, phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, khai thác các tiềm năng, thế mạnh của địa phương, do vậy cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tích cực. Năm 2018 giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt ước đạt 99 triệu đồng.

Các giống cây trồng, giống vật nuôi có năng suất, chất lượng tốt được đưa vào sản xuất, nhiều mô hình ứng dụng KHCN mới được triển khai đạt hiệu quả như: Mô hình lúa thuần chất lượng cao, mô hình sản xuất chè an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, mô hình trồng bưởi, mô hình trồng dưa hấu, củ đậu, dưa chuột bao tử, mô hình chăn nuôi lợn ngoại, mô hình nuôi cá tầm, mô hình trồng nấm... đã góp phần tích cực trong việc chuyển dịch cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp, thúc đẩy sản xuất phát triển, từng bước hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, nâng cao thu nhập cho người dân. Tính đến hết năm 2016, có 21/29 xã đạt tiêu chí Thu nhập (72,4%), tăng 21 xã so với năm 2011. Do năng suất, sản lượng cây trồng tăng cao, chăn nuôi, thủy sản phát triển, nhiều lao động đã có việc làm phi nông nghiệp mới nên thu nhập của dân cư nông thôn đã được cải thiện, 29/29 xã đạt tiêu chí Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên, tăng 27 xã so với năm 2018.



Bảng 3.13: Tình hình thực hiện tiêu chí Thu nhập và Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên

TT	Nội dung của tiêu chí	Yêu cầu	Số xã chưa đạt tiêu chí	Số xã đã đạt tiêu chí	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí
1	Tiêu chí Thu nhập				
	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người)	20 tr.đ (đối với các xã đặc biệt khó khăn 18 tr.đ)	08	21	72,41%
2	Tiêu chí Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên				
	Tỷ lệ người lao động có việc làm thường xuyên trên dân số trong độ tuổi lao động	≥90%	0	29	100%

Nguồn: Báo cáo tổng kết 06 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Phú Lương, giai đoạn 2015-2019.

- Về thực hiện công tác giảm nghèo:

Trong những năm qua, cùng với việc đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng, nông thôn, hỗ trợ cho phát triển sản xuất, huyện Phú Lương đã tích cực triển khai thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội cho hộ nghèo như cấp thẻ BHYT, hỗ trợ tiền điện sinh hoạt, phối hợp thực hiện tốt công tác hỗ trợ xây dựng nhà ở... trong đó tập trung chỉ đạo thực hiện các chính sách hỗ trợ trực tiếp vào sản xuất và đời sống nhân dân, đặc biệt là các vùng dân tộc thiểu số, các xã đặc biệt khó khăn. Trong giai đoạn 2015-2019, giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm đạt 3,68%. Tính đến hết năm 2019, có 17/29 xã đạt tiêu chí Hộ nghèo, tăng 12 xã so với năm 2018.

Về tình hình thực hiện tiêu chí Hộ nghèo, so với yêu cầu của Bộ tiêu chí (tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%), đến hết năm 2016 có 17 xã đạt tiêu chí này, (bằng 58,65%), còn 12 xã có tỷ lệ hộ nghèo >10%.



- Về đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất:

Trong giai đoạn 2015 - 2019, huyện Phú Lương đã tích cực triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ đẩy mạnh phát triển các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn, cụ thể đã triển khai thực hiện được 19 mô hình, dự án sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ giống chè cho nhân dân, triển khai thực hiện các đề án khuyến công, xây dựng và công nhận các làng nghề truyền thống với tổng kinh phí là 86 tỷ đồng. Trên địa bàn các xã hiện có 77 trang trại, 37 hợp tác xã, 214 tổ hợp tác và 22 làng nghề chè, làng nghề chè truyền thống. Tính đến hết năm 2019, có 27/29 xã đạt tiêu chí Hình thức tổ chức sản xuất, tăng 19 xã so với năm 2018.

Bảng 3.14: Tình hình thực hiện tiêu chí Hình thức tổ chức sản xuất

TT	Nội dung của tiêu chí	Yêu cầu	Số xã chưa đạt tiêu chí	Số xã đã đạt tiêu chí	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí
1	Có tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc doanh nghiệp đang hoạt động đạt hiệu quả 03 năm liên tục (trường hợp mới thành lập thì cũng phải đủ 2 năm liên tục có lãi).	Đạt	02	27	93,1%
2	Có mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả	Đạt	02	27	93,1%

Nguồn: Báo cáo tổng kết 06 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Phú Lương, giai đoạn 2015-2019.

3.2.4. Nội dung xây dựng nông thôn mới theo tiêu chí Phát triển giáo dục và đào tạo

- Phát triển giáo dục - đào tạo ở nông thôn:

Trong những năm qua công tác giáo dục và đào tạo của huyện đã có nhiều chuyển biến tích cực, duy trì chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và THCS, hoàn thành thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được tăng cường, công tác xã hội hóa giáo dục tiếp tục được đẩy mạnh, công tác quản lý giáo dục được cải tiến và đổi mới.



Khi bắt đầu thực hiện chương trình xây dựng NTM, toàn huyện có 17 xã chưa đạt tiêu chí Giáo dục. Trong 05 năm qua, huyện đã rà soát quỹ đất xây dựng các trường chuẩn; phổ cập giáo dục bậc trung học; cải tạo, nâng cấp, xây dựng các trường dạy nghề. Xây dựng cơ chế chính sách thực hiện chủ trương xã hội hoá trong lĩnh vực đào tạo nghề, hỗ trợ thanh niên nông thôn học nghề, nâng cao kỹ năng lao động. Mở các trung tâm dạy nghề đào tạo nghề cho nông dân. Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn khuyến nông, khuyến ngư cho các hộ nông dân. Tính đến hết năm 2019, có 29/29 xã đạt tiêu chí Giáo dục, tăng 12 xã so với năm 2018.

Bảng 3.15: Tình hình thực hiện tiêu chí Giáo dục

TT	Nội dung của tiêu chí	Yêu cầu	Số xã chưa đạt tiêu chí	Số xã đã đạt tiêu chí	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí
1	Phổ cập giáo dục trung học cơ sở	$\geq 90\%$ (xã đặc biệt khó khăn $\geq 70\%$)	0	29	100%
2	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	$\geq 70\%$	0	29	100%
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	$\geq 30\%$	0	29	100%

Nguồn: Báo cáo tổng kết 06 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

xây dựng nông thôn mới huyện Phú Lương, giai đoạn 2015-2019

- Xây dựng đời sống văn hoá nông thôn:

Trong 05 năm qua, Phú Lương đã đẩy mạnh, nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” mà trọng tâm là xây dựng gia đình văn hoá, làng văn hoá. Năm 2015, toàn huyện chưa có xã nào đạt tiêu chí văn hóa. Đến hết năm 2019, toàn huyện có 26/29 xã có 70% số xóm trở lên đạt tiêu chuẩn xóm văn hoá theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể

thao và Du lịch. Tuy nhiên, vẫn còn 03 xã chưa đạt tiêu chí, chủ yếu là do



việc thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” chưa hiệu quả, số xóm đạt tiêu chuẩn làng văn hoá 05 năm liền còn ít, chủ yếu do sinh con thứ ba nên không đạt được tiêu chuẩn này.

Bảng 3.16: Tình hình thực hiện tiêu chí Văn hóa

TT	Nội dung của tiêu chí	Yêu cầu	Số xã chưa đạt tiêu chí	Số xã đã đạt tiêu chí	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí
1	Có từ 70% số xóm trở lên đạt tiêu chuẩn xóm văn hóa	Đạt	03	26	89,65%

Nguồn: Báo cáo tổng kết 06 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Phú Lương, giai đoạn 2015-2019

- Về thực hiện tiêu chí Y tế:

Trong những năm qua, công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và phát triển mạng lưới y tế đã đạt được nhiều kết quả, đáp ứng ngày càng tốt hơn về công tác khám, chữa bệnh và nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Trong giai đoạn 2015-2019, đã huy động có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp được 35 công trình (trạm y tế xã và các công trình phụ trợ), mua sắm trang thiết bị, dụng cụ y tế cho việc khám chữa bệnh với tổng kinh phí 41.558 triệu đồng. Các chương trình y tế quốc gia được thực hiện tích cực, không để xảy ra các dịch bệnh lớn trên địa bàn huyện. Đào tạo đội ngũ thầy thuốc có trình độ chuyên sâu, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ở tuyến xã. Có cơ chế, chính sách để thu hút, động viên khuyến khích đối với y bác sĩ về công tác tại cơ sở; củng cố, phát triển mạng lưới y tế xóm, bản. Huy động nhân dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế. Tính đến hết năm 2019, có 29/29 xã (bằng 100%) đạt tiêu chí Y tế, tăng 15 xã so với năm 2015.



Bảng 3.17: Tình hình thực hiện tiêu chí Y tế

TT	Nội dung của tiêu chí	Yêu cầu	Số xã chưa đạt tiêu chí	Số xã đã đạt tiêu chí	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí
1	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	$\geq 70\%$	0	29	100%
2	Trạm Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia	Đạt	0	29	100%

Nguồn: Báo cáo tổng kết 06 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Phú Lương, giai đoạn 2015-2019

Đối với nội dung xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia, các xã thực hiện rất tốt, có 29/29 xã đạt (chiếm 100%); Nội dung số xã có tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt từ 70% trở lên có 29/29 xã đạt. Những năm qua, công tác truyền thông, tuyên truyền ở cơ sở được thực hiện tốt, nhận thức của người dân về việc tham gia các loại bảo hiểm y tế đã được nâng cao.

- Về thực hiện tiêu chí môi trường:

Tuy còn gặp nhiều khó khăn nhưng quá trình triển khai thực hiện tiêu chí Môi trường ở các xã đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, qua các đợt tuyên truyền, vận động nhận thức của người dân về công tác bảo vệ môi trường được nâng lên rõ rệt, nhiều hộ dân đã có ý thức cao trong việc kết hợp giữa phát triển sản xuất với bảo vệ môi trường, các cơ sở sản xuất kinh doanh về cơ bản đã nghiêm túc chấp hành pháp luật và nâng cao ý thức trong công tác bảo vệ môi trường. Hệ thống các công trình cấp nước sinh hoạt, bãi chứa rác thải, công trình vệ sinh gia đình, công trình vệ sinh trường học, nghĩa trang nhân dân đã được đầu tư xây dựng với tổng kinh phí 36.885 triệu đồng. Tính đến hết năm 2019, có 10/29 xã (bằng 34,5%) đạt tiêu chí Môi trường, tăng 10 xã so với năm 2015.



Bảng 3.18: Tình hình thực hiện tiêu chí Môi trường

TT	Nội dung của tiêu chí	Yêu cầu	Số xã chưa đạt tiêu chí	Số xã đã đạt tiêu chí	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí
1	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh theo quy định đạt mức quy định.	$\geq 70\%$	07	22	75,86%
2	90% cơ sở sản xuất – kinh doanh trên địa bàn đạt chuẩn về môi trường (10% còn lại tuy có vi phạm nhưng đang khắc phục); có cam kết đảm bảo thực hiện bảo vệ môi trường.	Đạt	06	23	79,31%
3	Đường làng, ngõ, xóm, cảnh quan từng hộ xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động gây suy giảm môi trường. - Đường làng, ngõ, xóm, đồng ruộng có nơi thu gom rác.	Đạt	02	27	93,1%
4	Nghĩa trang có quy hoạch và quản lý theo quy hoạch.	Đạt	13	16	55,17%
5	Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định.	Đạt	19	10	34,48%

Nguồn: Báo cáo tổng kết 06 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Phú Lương, giai đoạn 2015-2019

Xã có tỷ lệ 90% số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn Quốc gia có 22 xã, còn 07 xã chưa đạt; do chưa làm tốt việc xã hội hóa Chương trình cung cấp nước sạch, người dân còn mang nặng tâm lý ỷ lại, chỉ trông chờ vào đầu tư của Nhà nước nên nội dung này tỷ lệ xã đạt không cao. Xã không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển



môi trường xanh, sạch, đẹp có 27 xã, còn 02 xã chưa đạt là do ý thức về bảo vệ môi trường của người dân và cộng đồng chưa tốt. Xã có các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường có 23 xã, còn 06 xã chưa đạt do việc tuyên truyền vận động và công tác quản lý môi trường còn hạn chế. Xã có nghĩa trang xây dựng theo quy định có 16 xã, còn 13 xã chưa đạt do việc xây dựng nghĩa trang thiếu đồng bộ, còn tồn tại các nghĩa trang tự phát của người dân chôn cất trong đất của gia đình, thiếu đất quy hoạch nghĩa trang mới. Nước thải, chất thải được thu gom, xử lý theo quy định mới chỉ có 10 xã đạt tiêu chuẩn, còn 19 xã chưa đạt, do thiếu sự vào cuộc quyết liệt, sự quan tâm của chính quyền và người dân.

3.2.5. Nội dung xây dựng nông thôn mới theo tiêu chí giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn

- Về Hệ thống tổ chức chính trị, xã hội:

Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn, trong 06 năm qua, Phú Lương đã tăng cường đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, có chính sách thu hút cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản về công tác ở các xã. Rà soát bổ sung chức năng, nhiệm vụ các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể phù hợp với yêu cầu xây dựng NTM trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH. Phấn đấu các tổ chức đảng đạt trong sạch vững mạnh, các tổ chức chính quyền, đoàn thể đạt vững mạnh. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; đổi mới nội dung, phương pháp làm việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia giám sát, đóng góp nguồn lực xây dựng NTM. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch vững mạnh. Hoàn thiện các quy chế quản lý, thực hiện

dân chủ công khai, minh





bạch, tăng cường sự tham giám sát cộng đồng của nhân dân trong xây dựng NTM. Tích cực thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

Bảng 3.19: Tình hình thực hiện tiêu chí Hệ thống tổ chức chính trị xã hội

TT	Nội dung của tiêu chí	Yêu cầu	Số xã chưa đạt tiêu chí	Số xã đã đạt tiêu chí	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí
1	90% Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ.	Đạt	06	23	79,31%
2	Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	0	29	100%
3	Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	04	25	86,2%
4	Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở	Đạt	0	29	100%

Nguồn: Báo cáo tổng kết 06 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Phú Lương, giai đoạn 2015-2019.

Nhìn chung, hệ thống tổ chức chính trị, xã hội các xã đều đạt trong sạch vững mạnh, tiên tiến trở lên. Số xã đạt các nội dung tiêu chí đều cao, có 23 xã đạt tiêu chí 18 (bằng 79,3%), toàn huyện chỉ còn 04 xã chưa đạt tiêu chí do chưa đạt đủ 04 nội dung của tiêu chí, một số cán bộ, công chức xã còn thiếu bằng cấp chuyên môn theo quy định của Bộ Nội vụ.

- Về An ninh trật tự xã hội:

Khi thực hiện chương trình NTM vào năm 2015, huyện Phú Lương có 06 xã chưa đạt tiêu chí an ninh trật tự xã hội. Tuy nhiên, trong những năm qua, Phú Lương đã thực hiện đồng bộ các giải pháp như: Giáo dục, nâng cao ý thức cảnh giác của nhân dân trong tình hình mới. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sức mạnh của toàn dân thực hiện nhiệm vụ bảo



vệ an ninh, trật tự. Nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở; vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Quan tâm công tác tiếp dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại tố cáo của công dân; giải quyết kịp thời, dứt điểm đúng quy định của pháp luật, không để tình trạng khiếu kiện phức tạp đông người xảy ra. Xây dựng lực lượng an ninh quốc phòng, phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ cho lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách đảm bảo an ninh trật tự, đặc biệt là lực lượng công an xã, dân quân tự vệ... để thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội.

Với yêu cầu tiêu chí 19, an ninh trật tự xã hội được giữ vững; đến hết năm 2016, toàn huyện có 26 xã (bằng 89,6%) đạt tiêu chí an ninh trật tự xã hội, còn 03 xã chưa đạt. Tiêu chí này là một trong những tiêu chí mà các xã ở Huyện Phú Lương thực hiện rất tốt.

3.3. Đánh giá chung về xây dựng và phát triển nông thôn mới trên tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

3.3.1. Thuận lợi

- Phú Lương là huyện có vị trí địa lý liền kề với thành phố Thái Nguyên, gần trung tâm kinh tế, văn hoá của tỉnh và gần các trường Đại học, cao đẳng, trung học, trung tâm nghiên cứu khoa học của vùng, có điều kiện tiếp cận với khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới để phát triển, có tiềm năng phát triển du lịch, có hệ thống hang động, di tích lịch sử cách mạng....

- Đất đai của huyện tương đối đa dạng, thuận lợi cho việc phát triển nông lâm nghiệp. Tiềm năng đất đai cùng với thời tiết khí hậu thuận lợi cho việc phát triển tập đoàn cây con phong phú, có lợi thế để phát triển một nền nông nghiệp bền vững. Tuy nhiên khai thác lợi thế này phải biết bảo vệ, khôi phục và phát triển, kết hợp khai thác có hiệu quả tài nguyên đất đai, khí hậu với môi trường sinh thái.



- Nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương có truyền thống cách mạng, đoàn kết, sát cánh bên nhau, khắc phục mọi khó khăn để xây dựng huyện Đồng Hỷ thành một huyện giàu mạnh.

- Dưới sự chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền có biện pháp thực hiện các cơ chế của tỉnh, chính sách hỗ trợ và đầu tư sản xuất tạo điều kiện thuận lợi cho việc mua bán và chế biến các loại nông sản trên địa bàn. Cơ sở hạ tầng được nâng cấp xây dựng: mạng lưới giao thông nông thôn được cải tạo tốt, thuận lợi cho lưu thông hàng hoá. Hệ thống kênh mương kiên cố thuận tiện cho việc phát triển sản xuất và tiêu thụ nông sản.

- Về giáo dục đào tạo, y tế, thông tin liên lạc đã và đang phát triển, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện.

3.3.2. Khó khăn

- Tập quán lạc hậu, tập tục nặng nề của một số dân tộc ít người đã ảnh hưởng trực tiếp đến công cuộc phát triển kinh tế xã hội. Đời sống tuy đã được cải thiện nhưng tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Kinh tế chủ yếu phát triển là thuần nông, độc canh, tự cấp, tự túc, số lượng hàng hoá chưa nhiều, chất lượng sản phẩm chưa cao. Thu nhập bình quân đầu người còn thấp, còn có sự chênh lệch lớn giữa các ngành, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Do vậy chưa đạt tiêu chí nông thôn mới về tiêu chí thu nhập và tỷ lệ hộ nghèo.

- Vai trò của kinh tế hộ tuy đã được khẳng định, nhưng khả năng về mặt tài chính thì còn rất eo hẹp trong khi Nhà nước đầu tư còn rất ít. Loại hình hộ cá thể hoạt động sản xuất công nghiệp tuy đông về số lượng song quy mô rất nhỏ và khối lượng mỗi loại sản phẩm được sản xuất chưa nhiều và chưa có nhiều sản phẩm độc đáo.

- Dân số và lao động chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn còn mang nặng tính thuần nông, sản xuất theo lối truyền thống, trình độ chuyên môn của lao động phần lớn chưa qua đào tạo do vậy việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới còn gặp nhiều khó khăn.



- Hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn còn chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân nông thôn, nhất là hệ thống đường dân sinh, điều kiện địa hình phức tạp và dân cư phân bố không đều đã ảnh hưởng đến thông thương hàng hóa, thu hút nguồn đầu tư. Mặt khác công nghệ sản xuất còn lạc hậu, lao động thủ công là chính nên chưa đem lại hiệu quả cao trong sản xuất.

- Trình độ dân trí ở các xã vùng sâu, vùng xa còn nhiều hạn chế. Số cán bộ cơ sở ở một số xã và lao động đã qua đào tạo còn thiếu. Một bộ phận cán bộ, công chức cấp huyện có tư duy, tác phong làm việc chậm đổi mới, thiếu trách nhiệm nhiệt tình. Do vậy đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc tham mưu, chỉ đạo thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới

- Môi trường bị ô nhiễm bởi khối lượng chất thải công nghiệp ngày càng tăng trong đó tỷ lệ được xử lý còn rất hạn chế và ô nhiễm ở các làng nghề tiểu thủ công nghiệp đang làm xuống cấp môi trường không khí và môi trường nước. Rác thải công nghiệp tăng nhanh nhưng năng lực xử lý còn hạn chế, công nghệ xử lý chưa triệt để. Rác thải sinh hoạt của nhân dân, trường học, bệnh viện ngày càng nhiều, các thị trấn chỉ thực hiện thu gom rác thải mà chưa có biện pháp phân loại, xử lý, chôn cất và phân huỷ.



Chương 4

GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MỚI HUYỆN PHÚ LƯƠNG ĐẾN NĂM 2030

4.1. Quan điểm và định hướng xây dựng và phát triển nông thôn mới của huyện đến năm 2025

4.1.1. Quan điểm hướng xây dựng nông thôn mới của huyện

- Xây dựng và phát triển nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện. Người dân đóng vai trò chủ thể, góp công sức, trí tuệ, tài chính và quyết định trong quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế.

- Thực hiện theo phương châm phát huy nội lực cộng đồng, khơi dậy tinh thần đoàn kết, tự chủ, tự lực, tự cường, ý thức vươn lên của người dân; Nhà nước, nhân dân và các doanh nghiệp cùng thực hiện xây dựng NTM.

- Xây dựng và phát triển NTM trên cơ sở kế thừa, tập trung huy động nguồn lực xã hội và liên kết các thành phần kinh tế tạo sức mạnh tổng hợp; gắn xây dựng nông thôn mới với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của huyện; phấn đấu đến năm 2020 huyện hoàn thành 100% (14/14) xã đạt tiêu chí xây dựng NTM.

4.1.2. Định hướng xây dựng nông thôn mới của huyện đến năm 2025

Một là, xây dựng NTM là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện CNH - HĐH nông nghiệp, nông thôn, trong đó cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở đóng vai trò lãnh đạo, điều hành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên của Mặt trận đóng vai trò nòng cốt trong vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện.

Hai là, xây dựng NTM phải theo quy hoạch tổng thể phát triển KT - XH của địa phương và quy hoạch ngành.



Ba là, xây dựng NTM phải đáp ứng yêu cầu CNH - HĐH, bảo đảm an ninh, quốc phòng của địa phương, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, giữ gìn bản sắc dân tộc, góp phần xây dựng NTM phát triển bền vững.

Bốn là, xây dựng NTM trên cơ sở phát huy nội lực của cộng đồng dân cư, có sự tham gia, bàn bạc dân chủ của người dân; kết hợp lồng ghép các chương trình, dự án; có sự đầu tư hỗ trợ của nhà nước, huy động đóng góp công sức của nhân dân; khuyến khích đầu tư của các thành phần kinh tế.

Năm là, xây dựng NTM được triển khai thực hiện đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh, có sự tập trung đầu tư cho các xã theo kế hoạch đạt chuẩn NTM trong từng giai đoạn.

4.2. Mục tiêu xây dựng nông thôn mới đến năm 2025

4.2.1. Mục tiêu chung

- Tiếp tục cụ thể hóa nội dung Nghị quyết của Trung ương, tỉnh về xây dựng và phát triển nông thôn mới.
- Phấn đấu đến năm 2025, 05 xã điểm xây dựng nông thôn nâng cao hoàn thành tất cả các tiêu chí và đạt xã chuẩn nông thôn mới gồm: xã Yên Lạc, Phấn Mễ, Tứ tranh, Cổ Lũng và Ôn Lương.
- Phấn đấu đến năm 2025, 09 xã còn lại đạt xã chuẩn xây dựng nông thôn mới, đến năm 2020 đạt 100% xã đạt xã xây dựng nông thôn mới.

4.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Xã Yên Lạc phấn đấu hoàn thành 7 tiêu chí sau: Tiêu chí về giao thông; trường học; cơ sở vật chất văn hóa; nhà ở của dân; tiêu chí về văn hóa; môi trường và tiêu chí về an ninh trật tự xã hội.
- Xã Cổ Lũng phấn đấu hoàn thành 7 tiêu chí như sau: Tiêu chí về giao thông; trường học; cơ sở vật chất văn hóa; chợ nông thôn; nhà ở dân cư; giáo dục; môi trường.
- Xã Phấn Mễ phấn đấu hoàn thành 6 tiêu chí như sau: Tiêu chí giao thông; thủy lợi; trường học; cơ sở vật chất văn hóa; nhà ở của dân và tiêu chí môi trường.



- Xã Túc Tranh phấn đấu hoàn thành 8 tiêu chí sau: Tiêu chí về giao thông; thủy lợi; trường học; cơ sở vật chất văn hóa; nhà ở của dân; hình thức tổ chức sản xuất; giáo dục và tiêu chí an ninh trật tự xã hội.

- Xã Ôn Lương phấn đấu hoàn thành 9 tiêu chí sau: Cơ sở vật chất văn hóa; nhà ở dân cư; thu nhập; hộ nghèo; cơ cấu lao động; hình thức tổ chức sản xuất; văn hóa; môi trường.

Từ việc xây dựng mô hình 5 xã điểm nói trên, huyện sẽ đúc rút kinh nghiệm triển khai thực hiện của các xã điểm để nhân rộng đối với 8 xã còn lại đạt xã xây dựng nông thôn mới, bao gồm các xã: Yên Đổ; Động Đạt; Vô Tranh; Yên Ninh; Hợp Thành; Phú Lý; Phú Đô; Yên Trạch.

4.3. Các giải pháp cơ bản xây dựng nông thôn mới

4.3.1. Tuyên truyền phải thực hiện cuộc vận động xã hội sâu rộng về xây dựng NTM

Tăng cường sử dụng các phương pháp truyền thông trực tiếp và gián tiếp. Sử dụng phương pháp truyền thông trực tiếp với nhóm người các buổi họp thôn xóm, họp với Hội nông dân, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên. Dùng phương pháp này có hiệu quả trực tiếp tới sự hiểu biết về những nội dung cơ bản xây dựng NTM. Song song cần sử dụng phương pháp tuyên truyền bằng tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị, nói chuyện, thuyết trình do những người am hiểu, có kiến thức chủ trì theo từng chuyên đề của 11 nội dung xây dựng NTM.

Đẩy mạnh việc sử dụng công cụ, phương tiện truyền thông đại chúng như truyền hình, đài phát thanh, loa truyền thanh, báo, bản tin, các tài liệu truyền tin như áp phích tờ rơi... cần tăng thêm thời lượng. thông qua đó nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân dân để tăng thêm sự đồng thuận, hiểu rõ cách làm từng tiêu chí. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào thi đua: *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; Phú Lương chung sức xây dựng nông thôn mới*. Cần giới thiệu các điển hình tiên tiến, phương pháp hay,

sáng kiến, sáng tạo của thôn, xã, các huyện, thành khác để có thể áp dụng cho thôn xóm cụ thể trong xây dựng NTM. Sự công khai, minh bạch về quy hoạch, cơ chế, chính sách, quản lý, sử dụng các nguồn lực cần phải được phổ biến đến tận người dân.

4.3.2. Hỗ trợ phát triển kinh tế hộ nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa

Với vai trò của kinh tế hộ nông dân là chủ thể kinh tế cơ bản trong nông thôn và là đơn vị kinh tế tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Hộ gia đình có tính bền vững, ổn định cao về mặt xã hội; nguồn lực chủ yếu là nguồn lực về đất đai, sức lao động...; loại hình kinh tế rất phong phú, mọi mặt trong đời sống kinh tế xã hội trong nông nghiệp và cả phi nông nghiệp (tiểu thủ công, thương mại, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục vệ sinh môi trường...). Họ có thể tham gia vào tất cả các loại thị trường mức độ khác nhau, mang lại hiệu quả kinh tế khác nhau. Với vai trò trực tiếp, thường xuyên, lâu dài của kinh tế hộ nông dân như trên, đòi hỏi có sự quan tâm của các cấp các ngành phối hợp đồng bộ, thỏa đáng từ mọi cấp, mọi ngành để phát huy, khai thác tốt năng lực, tiềm năng này để đẩy nhanh quá trình thực hiện xây dựng NTM, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với huyện miền núi Phú Lương.

Đối với huyện Phú Lương, cần coi việc dồn điền đổi thửa là một công việc hết sức quan trọng để mở rộng phát triển sản xuất tập trung hàng hóa, khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, gia trại. Từ đây sẽ tạo thêm việc làm cho dân cư. Các chính sách khuyến khích với các đối tượng này cần rõ ràng và phù hợp hơn về: quy mô vốn vay, thời gian cho vay phải bảo đảm đủ chu kỳ kinh doanh; sự hỗ trợ về nâng cao hiểu biết về tiến bộ kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, chế biến, bảo quản nông sản nâng cao chất lượng sản phẩm, thị trường tiêu thụ. Do sản xuất nông nghiệp mang tính rủi ro cao nên nguy cơ các hộ từ cận nghèo trở thành hộ nghèo rất cao nếu trong hộ gặp rủi ro như có



người ốm nặng, gia cầm bị dịch, cây trồng bị dịch bệnh hại...thì hộ lại trở về hộ nghèo. Vì vậy, huyện Phú Lương có thể mạnh dạn đưa Bảo hiểm nông nghiệp áp dụng cho một số sản phẩm nông nghiệp như chè, ngô...nhằm khuyến khích mũi nhọn kinh tế để đẩy nhanh quá trình thực hiện xây dựng NTM, tạo ra thu nhập tăng lên của dân cư, kéo theo sự đóng góp nhiều hơn nguồn lực của dân vào thực hiện xây dựng NTM. Tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm để hỗ trợ doanh nghiệp, hộ nông dân về tiêu thụ sản phẩm, trong đó thế mạnh sản phẩm hàng hóa của huyện là sản phẩm chè các loại. Mở rộng hợp tác sản xuất và chế biến chè cung cấp sản phẩm cho thị trường trong nước và ngoại tỉnh thông qua sự tham gia hội chợ, các cuộc triển lãm hàng nông sản, xây dựng nhãn hiệu và nâng cao sức cạnh tranh của nông sản và làng nghề của huyện: chè, bánh chưng, TTCN...

Tiếp tục nâng cấp hệ thống chợ, lưu ý đầu tư các chợ đầu mối về nông lâm sản. Tạo chính sách hỗ trợ để phát triển cơ sở chế biến nông sản như đã thực hiện với sản phẩm chè ở xã Túc Tranh đối với một số xã có khả năng phát triển mạnh về chè. Ban chỉ đạo xã nên tạo nên phong trào sản xuất sản phẩm ở mỗi thôn, mỗi xóm có một sản phẩm, là một hướng đi tối ưu phát huy được lợi thế của địa phương.

4.3.3. Tăng cường nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Chất lượng nguồn nhân lực phải được coi là quan trọng nhất về bước đi và thành công của Chương trình xây dựng NTM. Lực lượng lao động chính là dân số hoạt động kinh tế.

Một là, trong phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các xã đạt phổ cập giáo dục tiểu học, tiêu chí tiếp theo là phổ cập trung học cơ sở là một chỉ tiêu rất quan trọng để tạo nguồn nhân lực ngay từ ban đầu, làm cơ sở, tiền đề để nâng cấp văn hóa và trình độ chuyên môn. Do vậy, các xã phải bảo đảm tỷ lệ tốt nghiệp cả hệ chính quy, vừa học vừa làm, bỏ túi thấp nhất là 80% trở lên và 70% đối với các xã đặc biệt khó khăn. Các xã đảm bảo được học sinh



tốt nghiệp THCS phải tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề và các trường THPT. Tăng cường tỷ lệ lao động qua đào tạo tham gia các khóa bồi dưỡng dạy nghề chính quy hoặc không chính quy, được cấp chứng chỉ, văn bằng học nghề đạt 70- 80%.

Tập trung đào tạo nguồn nhân lực ở nông thôn, chuyển một bộ phận lao động nông nghiệp sang công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, giải quyết việc làm. Tiến hành thực hiện chuyên môn hóa nông dân: các hộ nông dân có đủ tay nghề chuyên môn trở thành hội viên Hội nông dân, họ được hưởng các quyền lợi Nhà nước ưu tiên vay vốn, sử dụng đất đai, tích tụ đất đai, bảo hiểm nông nghiệp. Nông dân có tay nghề càng cao thì càng ưu đãi vay vốn, hỗ trợ áp dụng tiến bộ kỹ thuật, được hỗ trợ kinh phí khuyến nông, giống cây, con. Làm được như vậy sẽ kích thích các hộ nông dân thi đua học nghề và tích lũy kinh nghiệm sản xuất.

Hai là, một bộ phận con em nông dân và những người nông dân cần chuyển đổi nghề, xã và thôn cần phân chia theo nhóm đối tượng: làm thuê nông nghiệp; nhóm lao động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; nhóm lao động dịch vụ; nhóm lao động xuất khẩu,...họ đăng ký với xã, huyện để họ được tham gia chương trình tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo thông qua các cơ sở đào tạo nghề theo số lượng nhu cầu, được cấp chứng chỉ, được cung cấp các thông tin, được vay vốn, hỗ trợ thất nghiệp. Xã, thôn cần quan tâm đặc biệt với các đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Đây là một hướng đi nâng cao chất lượng lao động có hiệu quả trực tiếp đối với các thôn, xã, là kinh nghiệm của một số địa phương đã thực hiện mang lại lợi ích to lớn.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ phát triển cộng đồng, phát triển nông thôn. Cần tập trung đào tạo và nâng cao kiến thức cho cán bộ quản lý, cán bộ cơ sở, trong đó chủ yếu với đối tượng ở Ban phát triển thôn của các xã. Đặc



biệt lưu ý đến cán bộ lãnh đạo đảm bảo được các yếu tố như: năng lực tập hợp quần chúng, hiểu biết việc động viên lực lượng, biết lập kế hoạch và chiến lược, tính quyết đoán và ra quyết định, có sự kết hợp tốt nhân tố nội tại với nhân tố bên ngoài, tạo dựng môi trường làm việc lành mạnh và hiệu quả công tác đạt được cao.

Bốn là, rà soát và có kế hoạch đào tạo và thu hút nhân tài, thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng cao, gọn nhẹ với các đối tượng là đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước, quản lý ngành. Nâng cao chất lượng, năng lực chuyên sâu về quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội theo chức danh, vị trí làm việc, đặc biệt với cán bộ cấp xã trên quan điểm sử dụng cán bộ người địa phương quản lý tại địa phương. Một số cán bộ công chức xã có trình độ văn hóa thấp, ở bậc tốt nghiệp phổ thông cơ sở (có 6 người chiếm 21,5%), tốt nghiệp PTTH (có 6 người chiếm 21,5%) như ở xã Cổ Lũng.

Năm là, dạy nghề gắn với việc làm là một công việc cần được sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền địa phương. Chất lượng dạy nghề là yếu tố quan trọng nhất, sau đó học nghề cần đáp ứng nhu cầu việc làm của địa phương, cần có định hướng học nghề định hướng, không thiên lệch về công việc hành chính, gián tiếp. Huyện cần tập trung vào công tác tư vấn, hướng nghiệp và hỗ trợ cho thanh niên khi học nghề. Mặc dù, học phí học nghề thấp nhưng học nghề phần nhiều là con em các hộ có thu nhập thấp, hộ nghèo, dân tộc thiểu số nên họ thiếu điều kiện để học nghề tạo việc làm. Cần đưa hoạt động của đoàn thanh niên làm hoạt động nòng cốt trong định hướng, tư vấn, tạo việc làm cho thanh niên nông thôn thông qua các đề án, chương trình đã được nghiên cứu, đề xuất với lãnh đạo, chính quyền địa phương. Giải quyết việc làm cho thanh niên trong nông thôn hiện nay là vấn đề hết sức bức xúc, một số đã được đào tạo nghề ở cả sơ cấp, trung cấp rất khó xin được việc làm.

4.3.4. Nâng cao chất lượng, tiến độ quy hoạch và nội dung văn bản hướng dẫn lập quy hoạch NTM cấp xã

Quy hoạch có ý nghĩa vị trí, ý nghĩa rất lớn và quan trọng đến chất lượng xây dựng NTM đối với một huyện miền núi như Phú Lương. Bởi vậy, yêu cầu hết sức cần thiết là:

Thứ nhất, phải chọn nhà tư vấn có đủ năng lực, đạo đức, trách nhiệm và trình độ chuyên môn để xây dựng quy hoạch, họ phải đáp ứng được yêu cầu, nội dung chủ yếu của quy hoạch đối với quy hoạch NTM cấp xã. Đó là quy hoạch không gian tổng thể toàn xã phải lựa chọn phương án phù hợp với điều kiện; kinh tế, xã hội, hiện trạng của xã, xác định và định hướng hệ thống khu dân cư và khu dân cư mới, các công trình công cộng, các công trình hạ tầng kỹ thuật toàn xã có sự kết nối hợp lý....

Thứ hai, xây dựng NTM cần phải đảm bảo lộ trình, không bám theo tiến độ. Nhân dân được vận động để tham gia xây dựng NTM với nhiều hình thức. Đơn đốc, hướng dẫn công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án. Nội dung thẩm định phải bám sát yêu cầu, thực tế, ý kiến đóng góp cần gắn chặt với tiêu chí.

Thứ ba, nâng cao năng lực, trách nhiệm và sự phối hợp của một số cán bộ cấp xã, huyện. Sự tham gia của người dân trong quy hoạch phải được tôn trọng, không nên coi chỉ là hình thức.

Thứ tư, quy định nội dung lập quy hoạch ở một số văn bản thiếu thống nhất, được cụ thể ở văn bản Quyết định 491/QĐ-TTg với Thông tư số 26/2011/TTLT-BNN&PTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn thực hiện Quyết định 800/QĐ-TTg có sự khác nhau về nội dung lập quy hoạch.

Cụ thể, theo QĐ 491/QĐ-TTg là: “Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới; quy hoạch phát triển các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp”. Theo Thông tư



26/2011 TTLT-BNN&PTNT-BKHĐT-BTC là:” Quy hoạch sử dụng đất bố trí dân cư và hạ tầng công cộng theo chuẩn nông thôn mới; quy hoạch sử dụng đất sản xuất nông nghiệp (gồm: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, ngư nghiệp); quy hoạch cho đất sản xuất công nghiệp - dịch vụ và hạ tầng phục vụ sản xuất kèm theo. Điều đó làm cho BCD nhận thức và triển khai thực hiện gặp lúng lúng.

Thứ năm, khắc phục tình trạng hướng dẫn nội dung lập quy hoạch còn chậm so với yêu cầu thực tiễn, thiếu sự đồng bộ, thay đổi nhiều lần. Từ đó làm xuất hiện những khó khăn, vướng mắc, gây lãng phí thời gian và tiền của, việc kế thừa và tính thống nhất trong quy hoạch kém hiệu quả, thiết thực.

Thứ sáu, quy hoạch sử dụng đất phải đúng chủ trương sử dụng tiết kiệm đất nông nghiệp, nhất là đất lúa, tránh hiện tượng xé nát quy hoạch sử dụng đất của xã. Bảo vệ đất trồng lúa không chỉ có ý nghĩa đảm bảo an ninh lương thực mà còn là duy trì nền văn minh lúa nước, có ý nghĩa đặc biệt với các tỉnh huyện, xã miền núi. Chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải trở thành chỉ tiêu pháp lệnh.

4.3.5. Huy động nguồn lực và cơ chế sử dụng nguồn lực

Nguồn lực xây dựng NTM cần đa dạng hóa trong việc huy động. Triển khai thực hiện có một phần hỗ trợ của ngân sách trung ương là hết sức cần thiết để tạo đà, niềm tin cho nhân dân, làm tiền đề tạo thêm nhiều nguồn khác: sự đóng góp của nhân dân dưới nhiều hình thức, vốn lòng ghép các chương trình mục tiêu đã có trên địa bàn, huy động vốn của các doanh nghiệp bằng các hình thức thu hút đầu tư, liên doanh, liên kết, vốn tín dụng chính sách xã hội và vốn tín dụng thương mại của các hộ, tổ hợp tác, hợp tác xã. Để phát triển bền vững, lâu dài cần tập trung phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao nội lực của nhân dân kết hợp với vốn đầu tư, liên doanh, liên kết của các doanh nghiệp và vốn tín dụng ngân hàng để trở thành nguồn lực chủ yếu nhất xây dựng NTM.

Cho đến nay phần lớn các vùng nông thôn của các xã đang thực hiện



xây dựng NTM, tuy có phát triển nhưng thiếu bền vững cả ba mặt kinh tế - xã hội - môi trường. Người dân thiếu việc làm ổn định, đói nghèo giảm chậm có xu hướng tái nghèo, tái mù chữ; còn một số ít dân cư sống dưới mức nghèo. Xã hội nông thôn chưa được tổ chức thích hợp với quá trình CNH - HĐH, dân chủ cơ sở còn thiếu ở nhiều nơi, mâu thuẫn xã hội gia tăng; hiện tượng “Lão hóa, Thiếu nhi hóa, Nữ hóa” có thể xuất hiện ngày càng rõ nét; văn hóa truyền thống bị mai một. Đây là vấn đề cơ bản và lâu dài, càng nóng vội thì kết quả càng không đạt được như mong muốn. Cho nên đặt ra vấn đề với tất cả các cấp các ngành của địa phương cần có sự vào cuộc chắc tay, có sự đồng thuận cao của tất cả các nguồn nhân lực, tài lực, vật lực của các tầng lớp trong cộng đồng.

4.3.6. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao thu nhập và đời sống nhân dân

Nâng cao đời sống, tăng thu nhập đối với nhân dân địa phương huyện miền núi như Phú Lương là một nhiệm vụ hết sức nặng nề đối với lãnh đạo, chính quyền, Ban chỉ đạo xây dựng NTM và toàn thể cộng đồng dân cư. Đây là một giải pháp mang tính trọng tâm và then chốt đối với huyện trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

BCĐ NTM huyện phối hợp với các sở ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn Ban QL NTM các xã: đẩy mạnh việc triển khai, thực hiện các dự án phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập, chuyển dịch cơ cấu lao động; quan tâm đặc biệt đến sự tham gia của cộng đồng dân cư, tổ chức, doanh nghiệp; tính hiệu quả, bền vững của dự án thay vì các mô hình nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình. Tập trung triển khai các hoạt động hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ nhân dân lựa chọn mô hình sản xuất, công nghệ sản xuất với các giống cây trồng - vật nuôi có giá trị kinh tế cao; phát triển mạnh ngành nghề, đẩy mạnh áp dụng tiến bộ kỹ thuật và khoa học công nghệ.

Đẩy mạnh triển khai các hoạt động về bảo vệ môi trường cộng đồng dân cư: phát động phong trào nhân dân trồng cây xanh ven các tuyến đường, xây dựng các tuyến hàng rào xanh; xây dựng biogas, hồ xí tự hoại, thu gom và xử lý rác thải hộ gia đình; các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt chuẩn về môi trường, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân.

Tập trung vào nội dung chính như: chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế, tổ chức sản xuất và các chính sách an sinh xã hội. Các sở ngành, huyện chỉ đạo Ban QL NTM xã xây dựng các đề án, dự án thay vì xây dựng mô hình nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình để triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu quả, bền vững theo quy hoạch, đảm bảo mục tiêu nâng cao thu nhập theo mục tiêu đề án NTM đã được phê duyệt. BCĐ NTM huyện chủ động phối hợp với Liên minh HTX, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy mạnh công tác củng cố, nâng cao năng lực sản xuất - kinh doanh của các HTX, Tổ hợp tác SX gắn với quan hệ SX phù hợp, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm; đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm. Sở Công thương phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên hiệp HTX để xây dựng và thực hiện phương án hỗ trợ sản xuất, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm của các xã điểm xây dựng NTM, sản phẩm các ngành nghề nông thôn, tạo ra động lực phát triển để xây dựng NTM các xã còn lại của huyện đến năm 2020 đạt tiêu chuẩn xã nông thôn mới trên toàn huyện.

4.4. Kiến nghị

Kiến nghị với BCĐ xây dựng NTM Trung ương và tỉnh như sau:

Với công thức hướng dẫn Chính phủ đưa ra về nguồn lực tài chính: vốn đóng góp của dân 10%; doanh nghiệp 20%; tín dụng 30%; từ ngân sách 40%. Trong giai đoạn đầu XDNTM vốn ngân sách đóng vai trò rất quan trọng, có ý nghĩa tạo đà và niềm tin để huy động các nguồn đóng góp khác, tuy nhiên nguồn đầu tư ngân sách không đủ, không kịp thời, thường tập trung vào cuối năm làm cho việc thực hiện gặp nhiều khó khăn. Sự đóng góp của dân phụ thuộc xuất phát điểm các xã ở mỗi vùng có sự khác nhau về thu nhập. Vì vậy, nội dung huy động các nguồn vốn cần được điều chỉnh phù hợp với thực tế.



KẾT LUẬN

Từ sự cấp thiết nghiên cứu đánh giá tình hình xây dựng NTM 5 xã điểm của huyện Phú Lương, luận văn đã tập trung giải quyết vấn đề cơ bản như sau:

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chương trình xây dựng nông thôn mới, đồng thời luận văn thông qua kinh nghiệm thực tiễn của một số quốc gia và một số địa phương trong nước rút ra được những bài học kinh nghiệm có thể áp dụng cho huyện Phú Lương

Trên cơ sở lý luận, luận văn tập trung đánh giá thực trạng tình hình thực hiện xây dựng và phát triển nông thôn mới ở 5 xã điểm của huyện Phú Lương có thể rút ra một số nhận xét. Thông qua phân tích thực trạng luận văn đã nêu ra được những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế, những yếu tố ảnh hưởng trong quá trình xây dựng và phát triển NTM.

Lấy cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng xây dựng nông thôn mới 5 xã điểm của huyện Phú Lương, luận văn đưa ra 6 giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện nhân rộng việc xây dựng NTM đến năm 2020 trên toàn huyện có hiệu quả.

Từ sự nghiên cứu trên, tác giả nhận thức về thực hiện xây dựng và phát triển NTM là nhiệm vụ chiến lược, rất cần thiết nhất là với một huyện miền núi trung du phía Bắc. Các giải pháp đề xuất chưa thể bao quát và đầy đủ. Do sự hạn chế về sự hiểu biết và thời gian nghiên cứu, luận văn còn những thiếu sót, rất mong nhận được những ý kiến quý giá của các thầy, cô./.



DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo xây dựng mô hình NTM của huyện Phú Lương (2012), *Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Chương trình xây dựng mô hình NTM năm 2011, kế hoạch năm 2012*.
2. Bộ Nông nghiệp và PTNT - Quyết định số 2614/QĐ/BNN-HTX “*Đề án thí điểm xây dựng mô hình NTM cấp thôn, bản*” ngày 8/9/2006.
3. Bộ NN&PTNT- Quyết định 497/QĐ-BNN-KTHT, “*Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*”, ngày 17/03/2011.
4. Bộ NN&PTNT- Thông tư 07/2010/TT-BNNPTNT “*Hướng dẫn quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp cấp xã theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới*” ngày 08/02/2010.
5. Bộ NN&PTNT, Quyết định số 1003/QĐ-BNN-KTHT “*Về việc phê duyệt Chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020*”, ngày 18/05/2011.
6. Chính Phủ-Nghị quyết 24/2008/NQ-CP “*Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*”, ngày 28/10/2008.
7. Đặng Kim Sơn và Phan Sỹ Hiếu (2001), “*Phát triển nông thôn bằng bằng phong trào nông thôn mới (Saemaul Undong) ở Hàn Quốc*”, NXB nông nghiệp, Hà Nội.
8. GS.TS.Tô Xuân Dân, GS.TSKH Lê Văn Viện và TS. Đỗ Trọng Hùng (2013), *Xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam tầm nhìn mới, tổ chức quản lý mới, bước đi mới*, NXB nông nghiệp, Hà Nội.
9. Nghị quyết BCT/26-NQ/TW ngày 05/08/2008, “*Về Nông nghiệp, Nông dân, Nông thôn*”



10. Phạm Anh Thor (2008), Chính sách mới đối với tam nông là thực hiện công bằng xã hội (Bài III): Tam nông, nhìn từ Trung Quốc, truy cập từ trang Web: <http://WWW.kinhntenongthon.com.vn/Story/Vandesukien/2008/6/11375.html>, ngày 22/02/2014 12/02/2011.
11. Thủ tướng Chính phủ - Quyết định 491/QĐ-TTg, “Về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới”, ngày 16/04/2009.
12. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 695/QĐ-TTg, “Sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020”, ngày 12/6/2012.
13. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 800/QĐ-TTg “Về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020”, ngày 04/06/2010.
14. TS. Nguyễn Văn Toàn (2009), *Manh mún đất đai nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng - Thực trạng và giải pháp*, Nghiên cứu kinh tế, số 3 (214).
15. Tuấn Anh (2010), “Kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới ở một số quốc gia”, *Tapchicongsan.gro.vn*.
16. UBND huyện Phú Lương (2011), *Báo cáo số 26/BC, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết TW7 khóa X và nội dung triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới tại các xã thí điểm tại huyện Phú Lương*.

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Để lại thắc mắc, nội dung bạn muốn tư vấn để Tổng đài [Luân văn 1080](http://luanvan1080.com) tư vấn cho bạn nhé!
Liên hệ dịch vụ viết thuê luận văn: <https://luanvan1080.com/viet-thue-luan-van.html>
Hoặc qua SĐT: 096.999.1080 hoặc email: luanvan1080@gmail.com để được giúp đỡ nhé!